

TRÊN ĐỈNH THÁI SƠN

Hạnh Đoàn

Bài Học Thầy Cho Con

Con Chó

Con Rắn

Điểm Không

Hương Thầm Bằng Hữu

Mái Ấm

Quê Cha Đất Tổ

Thời Kinh Của Mẹ

Tôi Làm Thầy Lang

Trên Đỉnh Thái Sơn

Vọng Kiến

BÀI HỌC THẦY CHO CON

Chương trình ti-vi đêm ấy thật hấp dẫn. Mục xiếc thế giới đủ sức làm tôi quên hẳn bài luận thầy cho về nhà làm. Khi tôi kịp nhớ tới nó thì mắt tôi đã díp lại. Lo gì! Trong cuốn luận mẫu tôi có bài đó. Thế là tôi yên chí chui vào mùng đánh một giấc ngon lành...

Sáng nay, khi cầm xấp luận văn để phát cho chúng tôi, trán thầy cau lại nhiều hơn. Thầy đi đi lại lại trên bục mãi mà không nói câu nào. Một lúc sau, thầy hắng giọng:

– Hay thật! Một lớp sáu mươi ba em, tại sao không hện mà hơn nửa lớp đều làm bài luận in hệt nhau? Không lẽ tư tưởng các em giống nhau kỳ diệu như vậy?

Các tác giả đạo văn đều lên ruột. Thầy nhìn vào những gương mặt đỏ bừng vì xấu hổ, nói:

– Đã lớp sáu rồi, các em đâu còn bé bỏng gì? Đạo văn, ăn cắp văn là một thói xấu đáng chê trách. Văn người đâu cần thầy chấm? Lấy sự thành đạt của người làm của mình thì đó là một sự dối trá. Có được điểm cao thì cũng chẳng về vang gì. Nếu các em còn muốn làm học trò của thầy thì mong các em hãy tuyệt đối thành thật. Bài văn các em làm có dở, mà do chính công sức các em viết ra, thầy chấm thầy vẫn vui. Dở thì luyện mãi cũng hay, có ai sinh ra mà giỏi liền? Hành vi vừa rồi của các em làm thầy buồn và thất vọng ghê gớm, hãy hứa với thầy đây là lần cuối cùng trong đời các em... Các em có hứa với thầy không?

Trực, lớp trưởng lớp tôi đứng lên, xúc động nói:

– Chúng em rất hối hận và thành thật xin lỗi thầy. Chúng em hứa sẽ chừa bỏ vĩnh viễn tật xấu này, mong thầy sẽ hướng dẫn, giúp chúng em trau dồi mình tốt đẹp hơn. (Và Trực quay lại nói với cả lớp):

– Phải không các bạn? Chúng ta hứa với thầy như vậy chứ?

Bàn tay các tác giả đạo văn giơ lên. Tất cả đồng thanh:

– Chúng em xin hứa với thầy!

Mắt thầy chớp nhanh, vàng trán nhăn giãn ra, thư thả hơn. Thầy dịu dàng nói:

– Lời hứa rất quan trọng. Người ta có thể căn cứ vào đó để xác định giá trị mình. Các em đừng nghĩ mình còn nhỏ mà tha hồ làm lỗi. Người ta có thể nhìn tư cách của một người mà đánh giá cả đoàn thể, cả một nước...

Và thầy kể:

– Ông Nhạc Chính Tử là quan nước Lỗ, ông nổi tiếng không bao giờ nói dối và rất giữ chữ tín. Vua Tề nghe vua Lỗ có cái đỉnh là vật báu của nước, nên bắt đem dâng nạp. Vua Lỗ tiếc quá, làm cái đỉnh giả sai người mang sang Tề. Vua Tề nói: “Phải có Nhạc Chính Tử đem sang ta mới tin...”.

Chính Tử bảo vua Lỗ: “Sao Bệ hạ không dâng cái đỉnh thật?”. Vua Lỗ đáp: “Ta quý nó lắm!”.

Chính Tử nói: “Bệ hạ quý báu vật thế nào thì thần cũng quý đức “Tín” của thần như vậy!”...

Kể xong, Thầy dụ dàng bảo chúng tôi:

– Thầy mong một ngày nào đó, thầy cũng sẽ nói: “Phải là các em thầy mới tin...”. Hãy biết quý trọng và gìn giữ nhân cách mình như vật báu, các em ạ!

Nắng đỏ vàng rực trên sân trường, hắt cơn nóng như thiêu vào lớp học. Giờ ra chơi hôm nay, thằng Tùng với thằng Tâm đùa nghịch bất cần thế nào mà bình mực của nhỏ Thảo Chi văng lên bắn mạnh vào tường, đỏ tung tóe trên bàn thầy. (Thầy bảo chúng tôi còn nhỏ nên xài bút mực để luyện chữ cho đẹp, nên đa số các bạn đều đem bình mực theo).

Khi thầy bước vào, lớp học im phăng phắc. Đến độ tôi nghe rõ cả nhịp thở của thằng bạn ngồi bên. Thầy lặng lẽ quan sát cái bàn loang lổ vết mực
bắn
rồi hỏi:

– Em nào làm mực văng đầy bàn?

Tâm mặt trắng bệch, Tùng cúi đầu nhìn xuống đất. Một lúc sau, Tùng từ từ đứng dậy, giọng hơi run:

– Thưa thầy, chính em.

Thầy gạn thêm:

– Mình em thôi à?

Tùng im lặng. Nó với Tâm là đôi bạn chí thiết, nó không nỡ khai thêm thằng Tâm ra nên cứ đứng câm như hến.

Tâm nhìn Tùng bối rối.

Tánh Tâm vốn rất nhát đòn. Tôi thấy tay nó miết đi miết lại mãi trên mặt bàn, đầu tay ướt mồ hôi còn in hình rõ năm ngón. Cuối cùng nó thu hết can đảm đứng dậy nói:

– Thưa thầy, không phải mình Tùng mà... có cả em nữa!

Thầy nhìn hai đứa giây lâu, bảo:

– Các em thấy tội mình đáng xử như thế nào?

Tùng và Tâm áp úng:

– Chúng em rất ân hận việc đã xảy ra. Giờ thầy phạt thế nào chúng em cũng xin chịu. Mong thầy tha lỗi cho chúng em.

Thầy nghiêm giọng trách:

– Xem này: sổ điểm, sổ đầu bài, giáo án... tất cả đều lem mực, kết quả của trò đùa tai hại. Giờ thầy phạt các em là chuyện đương nhiên, nhưng vết lem này... ban giám hiệu sẽ nghĩ gì?

– Chúng em sẽ xuống ban giám hiệu để nhận phạt. Mong thầy không buồn vì có những đứa học trò nghịch phá như chúng em...

Bỗng dưng thầy đổi giận làm vui, dịu dàng nói:

– Đúng là hai đứa nghịch quá quắt. Nãy giờ, thầy muốn biết thái độ của các em trước lỗi lầm của mình. Thầy rất sung sướng vì các em không hề phụ lòng thầy. Các em đã có can đảm đứng lên nhận lỗi một cách đáng khen. Có thể các em sẽ không dối được, bởi cả lớp đều biết... nhưng có cam đảm nhận lỗi về mình, dám nhận hình phạt, can đảm nói thẳng nói thật... là một đức tính đáng được ca ngợi. Các em nhận lỗi không phải để tự hạ mình xuống, mà vì các em biết trọng lẽ phải và có thừa dũng khí! Thầy mong các em sẽ giữ được đức tin ấy đến suốt đời! Thôi!... Tùng với Tâm về chỗ ngồi đi!

Tùng và Tâm mắt róm lệ, lí nhí nói lời cảm ơn thầy rồi lui thủi về chỗ.

Ôi! Mỗi lời thầy nói ra, sao quý muôn vắn đối với chúng tôi. Dù mai đây có phải lìa xa mái trường làng nhỏ bé, mỗi đứa chúng tôi khó mà quên được người thầy khả kính, đã từng đem hết tâm huyết để dạy cho chúng tôi nên người. Lòng biết ơn ấy không thể nói bằng lời mà phải bằng những hành động thể hiện qua cuộc sống, vì thầy luôn nhắc nhở: “Kẻ phản bội đất nước là tự làm hư đốn bản thân mình!”.

CON CHÓ (Hồi ký Hạnh Đoan)

Hồi ấy tôi chỉ độ 14-15 tuổi. Con chó cái nhà dựng tôi đẻ một lứa tám con, lông vàng như màu da bò. Tôi thích lắm, chọn một con ưng ý đem về nuôi.

Tôi mang chó về, chị Phượng lệ làng bẻ cành cây nhỏ đo đuôi chó, vát vào góc vườn, tin tưởng làm vậy chó sẽ không ị bậy.

Tôi nói:

– Giờ mình đặt tên nó là gì?

Chị Phượng nhú mày hỏi lâu rồi bật ra cái tên:

– Robert! Kêu nó là Robert!

Kế mẫu tôi phát biểu:

– Cái tên sao mà khó kêu, bẻ miệng quá!

Rồi bà gọi thử: -Be! Be!....

– “Y như kêu một con dê!” – Tôi nghĩ thầm và bật cười vì âm điệu Nam Bộ không quen uốn lưỡi của bà.

Buổi tối, con chó nhớ mẹ kêu khóc rùm beng, đình tai nhưc óc! Chịu hết nổi, tôi và chị Phượng bật điện, đi kiểm cọng dây thun, quấn quanh mõm chó đến hai vòng. Tuyệt diệu! Con chó im im, không còn kêu rên nữa. Thế là cả nhà tha hồ đánh giấc.

Trời sáng, tôi hết hồn khi thấy con chó gần như lả đi, sắp chết. Chị Phượng vội bế nó lên để tháo cọng thun ra. Vừa chạm đến cọng thun là con chó đau đớn, rên rỉ thảm thiết, vì cọng thun đã ăn sâu vào da thịt. Phải mất nửa tiếng chị Phượng mới tháo được cọng thun. Tiếng rên la của con chó khiến tôi càng ân hận và thấy mình ngu tợn! Sự ngốc nghếch của tôi vô tình hành hạ con chó đến tột độ!

Tôi nhớ dù nuôi chó nhưng hình như chẳng bao giờ mình tắm chó và cũng chẳng để ý cho nó ăn. Kể mẫu tôi thâu hết việc này. Bà chăm sóc con chó chu đáo và không bao giờ dám cho nó ăn cơm cháy, vì: “Sợ là sau khi chết nó sẽ méc diêm vương mình xử tệ với nó”... Bà thường giải thích với tôi như vậy, tôi chỉ mỉm cười. Những lúc rảnh, tôi thường ngoắc Robert tới vuốt ve, nô đùa với nó như chơi gấu bông.

Sang năm tôi đi tu. Qui luật chùa nghiêm nên tôi ít về thăm nhà. Vào thời điểm mùa màng thất thu, hầu như cả nước đều ăn đói. Khi tôi về thăm nhà, kể mẫu đãi tôi cơm cà-ri (xem như là thịnh soạn vào thời buổi ấy). Tôi vừa ngồi vào ghế, thì Robert đi chơi đâu đó chạy về, trông thấy tôi, nó liền chạy tới trước mặt tôi, đứng thẳng người lên, đặt hai chân trước trên đầu gối tôi và há to miệng phát ra một tràng tiếng “A” bồng trầm thật dài! Nó biểu lộ sự mừng rỡ bằng âm thanh như rên xiết, rên rỉ. Tôi dùng đúng từ “rên rỉ” vì tôi không bao giờ quên được cách mừng lạ lùng của nó, thêm vào đó là ánh mắt nó nhìn tôi thật tha thiết, nước mắt nó tuôn thành dòng, từng giọt từng giọt chảy tiếp nối nhau. Tôi bàng hoàng nhìn sững nó và bỗng thấy lòng quặn đau (dù bản chất tôi không hề sùng ái chó). Chị Phượng kể hiện nó đang ăn loại cám dành cho heo. Nó có vẻ biết thân, an phận. Có lần nó đi chơi về, dòm quanh, chẳng thấy ai cho gì ăn, nó đành đến thau nước nốc một hơi thay cơm. Nghe kể mà xót xa. Tôi muốn cho nó cái gì đó, tô cơm trên tay tôi lúc đó thiệt ngon, trắng tinh, thơm lừng cà-ri. Nếu tôi cho nó, kể mẫu tôi sẽ buồn và nghĩ là tôi không

quí đồ bà nấu. Tôi băn khoăn chưa biết nên làm thế nào thì chị Hai tôi sang thăm. Chúng kiến cảnh con chó chảy nước mắt mừng tôi, chị cầm lòng khôngặng, vội xúc tô cơm chan cà ri vào, ụp xuống thau cho con chó. Robert đánh chén sạch nhẵn, vẻ rất hạnh phúc, tôi cảm thấy ấm lòng, vỗ vỗ đầu nó.

Vài năm sau nhà tôi khá hơn. Bữa cơm đã có dinh dưỡng đủ đầy. Gia đình tôi có thêm cô dâu mới. Một lần khi tôi về thăm nhà, chị dâu tôi mách tôi:

– Robert không biết ai bắt về mà thật khôn và có nết, chị để chảo thịt trên nền nhà, quên đây rồi đi lên nhà trên. Vậy mà khi xuống thấy Robert vẫn lễ phép nằm xa xa, không hề ăn vụng! Sao mà nó ngoan thế không biết!?

Tôi hình mũi thâm, nghe chị khen con chó mà lòng tôi khoan khoái cứ như thể chị đang... khen tôi vậy.

Có thương và tội nghiệp Robert đến mấy, tôi không thể vượt ve nó mãi, tôi phải rời nó để trở lại chùa, nhưng đôi mắt đầy lệ của nó cứ ám ảnh tôi. Càng buồn hơn nữa là, sau đó tôi nghe tin nó bị xe cán chết.

*

Người ta thường dùng từ chó để ví von, để chửi nhau, hòng miệt thị, hạ nhục địch thủ trong những cuộc cãi lầy. Thật ra con chó có lòng trung nghĩa rất đáng trân trọng, đức tính này có thể đại diện cho loài chó. Lắm lúc con người còn có thể phản bội, chứ con chó thì không. Nhiều con chó còn biết xả thân cứu chủ. Có lẽ vì vậy mà chó được cưng, được yêu chuộng nhiều, bên Tây phương, người ta còn cho việc ăn thịt chó là hành động dã man.

Dù chủ đối thế nào, có tệ bạc hay đòn roi nhiều, con chó vẫn trung thành, lẻo đẻo đi theo chủ, không hề ôm lòng giận hờn.

Chị Hai tôi kể có lần trong cơn giận chị đánh con chó gãy chân, nó chui vào gầm giường rên ư ử. Nhưng lát sau thấy chị đi chợ về nó lết ra mừng chị. Nghĩa cử của nó làm chị chảy nước mắt, hối hận và tỉnh ra. Chị bảo

tôi: “Ai mà đánh mình què giò thì mình sẽ ghim sâu vào lòng, ôm hận... chờ dịp trả miếng hoặc giận cả tuần, cả tháng... nhưng con chó lại “buông” rất mau. Con người mình luôn tự hào là thông minh hơn loài vật, song nếu mình có tính thù vật, thù dai, nhỏ mọn... thì phải nhìn nhận là con chó cho qua nhanh hơn mình, chịu đựng giỏi hơn mình!” ...

Chị Phượng nói với tôi:

– Có lần trên chuyến xe khách chị ngồi gần một cô gái có một bàn tay rất lạ, bàn tay tật nguyên bẩm sinh, năm ngón cụt tự nhiên, song nhìn lại có vết tích giống như bị một nhát chém ngang. Cô gái kể:

– Thuở em chưa chào đời, gia đình em có nuôi con chó cái. Một hôm nó sủa ồn dữ quá ba em trong cơn nhậu say tức giận cầm dao chặt đứt bàn chân trước của con chó. Con chó chết thời gian lâu thì mẹ sanh ra em. Điều lạ lùng là bàn tay em lại cụt y như dấu vết ba em chém chân con chó... Nhà em khá nhưng em sống trong nhà lại cực như kiếp tôi đòi! Buồn quá cô ơi!

Rồi cô gái xuống xe. Cô có ngoại hình trông rất vất vả, khắc khổ, một phần có lẽ do nội tâm không thanh thản của cô.

Chuyện cô gái làm tôi nao lòng. Nói một lời an ủi người, làm người vui xem ra không khó, song nhổ được gốc khổ trong tâm người quả là không dễ. Có lẽ vì vậy mà Phật và chư Bồ-tát phải vào nhân gian để độ sinh, bày cách giải khổ...

Mỗi lần nghe người ta chửi nhau là chó tôi lại buồn cười. Có lẽ lời rửa sả không biến mình thành thấp hèn, song tư tưởng mình có thể khiến mình thành cao thượng hay thấp hèn. Bởi vậy mà trong giáo lý luôn nhấn mạnh việc thanh lọc tâm. Không phải người ta chửi mình là chó thì lập tức mình bò bốn chân kêu gâu gâu liền, song mình rất dễ nổi giận khi bị miệt thị vậy. Khổ là do chúng ta cần và bám víu quá mức vào sự công nhận giá trị mình từ miệng người, bất kể người ấy là ai, cho dù họ là kẻ địch. Họ nói mình là thánh thì hình như chúng ta “đang bay”, họ miệt thị mình là loài

gì thì in như ta tin và hóa thành loài ấy ngay, không tin thì sao chúng ta lại giận?

Có một điều, hình như ta ít tin Phật?... Vì Phật luôn nhắc nhở: “Ta là Phật đã thành các ngươi là Phật sẽ thành!” nghe câu này ta không mừng, không cảm động, thậm chí không tin nữa.... Song nếu bị người mắng mình là... chó thì ta sẽ nhảy nhồm (y như là tin liền), vì ta không tự tin mình là người, là Phật sẽ thành. Phật xác nhận vậy vì muốn chúng ta hiểu rằng trong tâm ai cũng có bản chất thánh thiện của Phật. Thấy người khổ chúng ta mềm lòng, bắt nạt người chúng ta hối hận?... đó là Phật tâm. Nếu Phật tâm hiển lộ tỏa sáng thường, thì cuộc sống chúng ta ngày ngày đều là xuân, luôn tươi tắn rạng rỡ. Bất kể thời tiết bên ngoài là hạ, thu, đông...

– Mọi loài đều có phẩm chất tốt, đều có Phật tính – Tính Phật trong con chó là lòng trung nghĩa. Thực ra không phải con chó tốt hơn người, tốt hơn thì nó đã không làm chó. Tất nhiên càng chứa nhiều phẩm chất tốt thì đời sống ta càng thăng hoa, hạnh phúc... thăng hoa đến đỉnh điểm thì là Phật. Vì vậy muốn cuộc sống hạnh phúc thì chỉ có trượng dưỡng phẩm chất Phật và không dung chứa những thói tật chúng sinh.

Đã đăng báo Giác Ngộ 314/ 2-2-2006

CON RĂN

Hạnh Đoan (Viết theo lời kể của người bạn)

Từ lúc dời về ngôi chùa quê hẻo lánh ẩn cư, cuộc sống bình dị khiến ông Năm hết sức mãn nguyện.

Đã từng là một phú gia, từng đấu vật với cuộc sống nhiều thành bại thăng trầm chôn thương trường, ông Năm thấy mình hoàn toàn hạnh phúc khi được buông bỏ hết để làm một “vô sự nhân” sớm mõi chiều chuông, mặc lũ con ông phản kháng. Chúng đã quen với cuộc sống nhung lụa, chưa mõi với thể sự như ông. Giờ ông đã là người bên lề – bên lề mọi tranh giành, mọi đua chen ham muốn – Ở tuổi sáu mươi,

ông đã từng ném trái đu mùi đời thì còn có gì nữa đâu mà thèm khát? Ồ, có chứ – ông còn thèm một điều – là ngày nào đó khi lìa bỏ cõi đời này, ông sẽ ra đi một cách tự tại giải thoát – mà giải thoát không thể ngồi đó mà mơ, phải thực hành! Phải chịu khó chăm chỉ tu, giống như hồi xưa ông dồn hết tâm huyết để mà làm giàu vậy. Hòa thượng đã dạy ông cách nhiếp tâm, ông tập sự gieo nhân giải thoát, theo dõi tâm trong từng phút giây, không để những vọng niệm phù hư lúc nào cũng cuộn cuộn trong tâm dẫn dắt, lôi kéo mình mê muội chạy rong. Tuổi già, tu muộn là điều đáng tiếc, ông cố không để tâm trôi buộc bởi điều gì. Ông chẳng muốn sinh sự mà sự cứ sinh – tất cả là tại con rắn!

Ông về chùa mới chưa được một tuần thì con rắn xuất hiện. Ông vốn là chúa sợ rắn, lại càng sợ hơn khi thấy con rắn cứ quấn quanh ở mãi trong chùa, hễ ông công phu bái sám bao nhiêu là con rắn hiện đủ, như thể nó cùng tu với ông vậy. Điềm khiến ông nhìn ra con rắn không thể làm với con rắn nào khác là cái mào đỏ rực ở trên đầu. Ở thôn quê có nhiều rắn là thường, nhưng vị khách không mời này cứ li lợm tới mãi khiến ông cũng hoảng, nhiều lúc nó làm ông sợ tới muốn vắt mỡ chuông mà chạy (chuyện này người ta mà biết thì cười ông chết thôi), có lúc con rắn ngự hẩn trên bàn thờ Phật, quán quanh lu hương, lo le cái lưỡi trông mà khiếp. Ông Năm đành ngồi thiền nhiều hơn, ngồi trong mùng, trên giường, khỏi sợ con rắn chui vô, vì nó có vẻ thích chánh điện lắm. Ông Năm niệm Quan Âm chí tử, khẩn khoản xin ngài chiếu cố “cứu vớt đời ông” ra khỏi con rắn, hoặc “cứu” con rắn ra khỏi chùa ông, làm sao cho ông hiểu được lý do rắn đeo mình hoài để bớt sợ. Ôi! nói huyền mộng dễ chứ hành thiệt khó và ông chí thành niệm Quan Âm miên mật, quên hẳn đêm đã quá khuya, quên hẳn tất cả cảnh vật bên ngoài...

... Anh thanh niên mặc quân phục lấm lem bụi và máu. Anh có vẻ mệt mỏi, đau đớn vì vết thương đang mang, lê từng bước khó nhọc vào chùa. Ông Năm chưa kịp hỏi thì anh đã lên tiếng:

– Thầy không nhìn ra con sao?

– Anh là ai?

Anh thanh niên kể: – Hồi sắp giải phóng, thân quyền con chạy loạn, gom góp vàng bạc tư trang đưa con cất. Cả nhà con đều bị cướp giết chết hết. Phần con ôm số vàng chạy đến bờ sông trước chùa này thì bị thương nặng, con gượng sức tàn ráng chôn vàng ở kế cây me gần bờ sông. Sau đó lòng lo lắng không yên cứ sợ vàng bị lấy cắp, thêm oán hận lũ cướp giết người đoạt của, con trút hơi thở cuối cùng...

Ông Năm lấp bấp:

– Vậy... anh là người đã chết?

– Dạ con là con rắn! Con bị đọa làm thân rắn do bởi lúc gần chết khởi ác niệm sân hận và tiếc của... Giờ con cầu Thầy ra ân, xin Thầy đào lấy số vàng đó lên đem trai tâng cúng chùa để siêu độ cho con và gia quyến giùm...

– Tui biết ở đâu mà đào?

– Con sẽ chỉ chỗ cho Thầy. Số vàng đó con gói tới mấy lớp giấy, cuộn trong bịch ni-lông rồi bỏ trong cái lon guigoz chôn xuống đất. Con chôn cạn lắm vì lúc đó bị thương sức yếu... Thầy đào độ hai tấc là gặp ngay. Xin Thầy từ bi giúp con...

Nói vừa dứt lời anh thanh niên vội vàng xá chào bỏ đi ngay, như thể sợ đứng đấy lâu bị thầy từ chối. Ông Năm gọi giật lại:

– Này! Anh kia! Cho tôi hỏi... Đứng lại!....

Bàn tay ông Năm quờ quạng trong khoảng không, ông giật mình thức giấc, mới hay mình vừa chiêm bao. Giấc mộng cứ ám ảnh khiến ông Năm băn khoăn mãi, cuối cùng ông quyết định cứ ra bờ sông đào thử xem thực hư thế nào?

Thật ra ông Năm pháp danh Thường An, nhưng ở vùng quê khi ho cò gáy này, cư dân hiểu đạo chẳng nhiều, họ cũng kiêng không dám gọi tên mà cứ gọi là ông Năm. Cái danh kêu nghe bình dân như tâm hồn chất

phác của người dân miền sông nước. Buổi sớm mai nắng chưa lên, sương còn giăng mờ cảnh vật. Ông Năm vác cuốc đi tới bờ sông, dừng cạnh cây me, nhìn quanh quất ông lẩm bầm than:

– Người ta ký thác nhờ mình giúp, không làm thì tội, chẳng biết là thật hay chiêm bao hoang đường đây? Chèn ơi, trời đất mệnh mông biết chỗ nào mà đào?

Đang bần khoản, ông Năm chợt thấy con rắn bò đến, vẩy cái mào và khoang đỏ ở cổ, sao mà nó lạ vậy chớ? Chắc là lừa sên tích tụ thành khoang đỏ và cái mào đỏ? Nghĩ lan man, ông bỗng thấy con rắn bò đến khoảng đất trống, cách cây me và bờ sông bốn, năm thước. Con rắn gục đầu mấy lần nơi đất, ý như muốn ông đào chỗ đó. Ông Năm bảo nó:

– Tui hiểu rồi, làm ơn bò ra chỗ khác cho tui làm việc, chứ ở đây tui... run, đào không nổi đâu!

Con rắn liền bò đi xa, ông Năm khởi sự đào, quá hai tấc, ba tấc... rồi đến bốn tấc... chẳng thấy tằm dạng gì.

Ông gọi:

-Ấy.... ời, có chỉ sai chỗ không? Hay ai lấy mắt rồi, chẳng thấy tằm dạng gì cả!?

Con rắn bò tới, sẫm soi chỗ ông đang đào rồi gục đầu, vẩy van lon ông đào tiếp. Phải đào gần chín tấc, ông Năm mới thấy cái lon chứa đủ số vàng như đã tả. Hóa ra vì chôn gần bờ sông, sau những cơn lụt và đất phù sa bồi đắp, của chôn đến nay đã bảy tám năm nên hai tấc biến thành chín tấc.

Vài ngày sau, ông Năm lại nằm mơ thấy anh thanh niên đến tạ ân. Anh kể lể: – Con vì chút lòng tham ngu muội lúc cận tử mà dọa thân rắn. Nhờ con biết nghe kinh và trì Thánh hiệu Đức Quán Âm theo Thầy mà được phúc có thể báo mộng nhờ Thầy giúp đỡ. Cảm tạ Thầy đã thỉnh chư Tăng chú nguyện siêu độ cho con và thân quyến. Trong thời gian

con chờ mãi thân rắn, xin phép Thầy cho con ở đây, ngày ngày nghe kinh gieo duyên với đạo, để khi xả thân thú hoàn phục thân người, con được gặp Phật pháp, biết tu mà không đọa lạc nữa... Đây là lần báo mộng cuối cùng của con, kính chào Thầy!

Chiều nay, ông Năm vừa chôn xác con rắn xong. Ông đặt pháp danh cho rắn là Xả Ly. Mong rằng nó giữ được hạnh nguyện đó dù tái sinh bất cứ cảnh giới nào. Trong cuộc sống có lắm chuyện lạ kỳ. Hồi nhỏ mỗi lần đọc chuyện tiền thân Phật, thấy mấy cái tựa “Vàng và rắn”, “Tham vàng hóa rắn”, ông không tin, nhưng giờ tự mình mục kích chuyện con rắn, ông mới thấy mình còn ngu nhiều quá. Phật thường dạy của cải vốn phù du và thuộc về năm nhà: Vua quan, lửa, nước, trộm cướp, giặc giã. Tất cả “nhà” này đều có thể lấy tiền của ông bất cứ lúc nào, biến ông thành tay trắng hết thủa mới sinh, nhưng đến và đi đều phải trở về tay trắng là qui luật chung của con người, có ai mang được gì theo đâu? Chuyện con rắn và ông, người ta có tin hay không chẳng quan trọng. Quan trọng là ông đã kể được những gì mình biết và chân thành trao nó như một quà tặng hiến dâng cho đời.

*

(Đã đăng trên báo G-N 52-53 ra ngày 31/1/2001
qua bút danh H.T.H)

ĐIỂM KHÔNG

My đứng trước cửa lớp, tỳ tay vào lan can của lầu ba mơ màng ngắm những tia nắng óng ánh từ mặt trời ban mai tỏa xuống. Dưới kia, tàn phượng đang đong đưa làm dáng, cố rũ những giọt sương còn đọng lại của đêm qua. Lớp học ồn như chợ vỡ, tiếng ôn bài râm rân. Chả là hôm nay thầy Văn truy bài rất gắt.

Tiếng chuông reo báo hiệu giờ học, thầy Văn bước vào lớp. Khi cuốn sổ điểm được mở ra, nhiều khuôn mặt xanh tái nhìn lên hồi hộp...

Nhỏ lan huých cùi chỏ vào My thì thầm:

– Chỉ có mày là sướng, Bích My ạ! Dù không thuộc bài cũng chả sao!

My mỉm cười hãnh diện. Ai cũng biết thầy Văn là bạn thân anh trai My, thầy làm chủ nhiệm lớp 10C trong niên học mới này. Ba tháng qua việc học của My êm đềm trôi chảy theo diễn tiến bình thường. Tuần rồi My đã trả bài xong, cả bài tập cũng qua trường kiểm soát. My có lý do để thả hồn bay bổng theo từng cụm mây đang lang thang ngoài cửa sổ, chẳng buồn để ý thầy đang gọi tới ai. Nếu thích thì My có thể nhàn nhã ngắm bộ mặt căng thẳng, xanh mét của bè bạn, những đứa chắc chắn sẽ bị “gọi hồn”. Thầy Văn ngồi trên bục thật oai, ở nhà My chỉ gọi thầy bằng anh, thầy rất cưng chùi My.

Cây bút thầy Văn đi từ cuối sổ lên đến đầu sổ cốt để gia tăng trò ú tim với đám học trò, một cái tên bật ra từ miệng thầy:

– Lê Bích My!

My bàng hoàng sững sốt, ngỡ mình nghe lầm. Đôi mắt đẹp thảng thốt mở to nhìn thầy Văn trân trối. Giọng thầy thật thản nhiên:

– Mời em lên trả bài!

Trời không nóng nực lắm mà thái dương My bắt đầu rịn mồ hôi. Chao ôi! Bạn bè sẽ nhìn My bằng cặp mắt thế nào đây? Nếu My không thuộc bài? Một Bích My xưa nay nổi danh là học sinh tiên tiến? Quá ỷ y, My đã không học bài. Cuộc picnic suốt ngày hôm qua với buổi tối xem phim đã ngốn hết thời giờ của My. thầy Văn biết rõ điều ấy, tại sao thầy không báo trước cho My chuẩn bị?...

My đứng lên, lê bước đến bàn thầy, tâm trí hoảng loạn. Danh dự My trong giây phút này sẽ tiêu ma hết. My thả cuốn tập xuống bàn thầy như cái máy. Thầy Văn chưa buông tha, chăm chú nhìn

My rồi bảo:

– Về lấy bài tập lên tôi xem!

My về lấy bài tập. Lòng lo lắng khiến cô bước lính quỳnh, chân đạp phải ống quần rộng, suýt nữa thì bổ nhào.

My run rẩy đặt cuốn bài tập lên bàn. Tiếng thầy Văn thoảng nhẹ bên tai:

– Cho em về chỗ, lát nữa bình tĩnh lên trả bài! – và thầy đọc tiếp:

– Vũ Minh Thắng!

My về chỗ, dồn hết tâm tư ôn bài, mong cứu nguy phút giây sắp tới. Chưa bao giờ My gặp cảnh như hôm nay. Cô bé oán thầm Văn. Thỉnh thoảng ngược lên My bắt gặp ánh mắt thầy Văn đang nhìn xuống đây về riều cọt...

*

My bực tức liệng con gấu bông xuống nền gạch, ném chiếc kẹp hình con bướm ra xa... quảng tất cả những món quà Văn đã mua cho mình từ trước đến nay. Con buồn tủi vẫn chưa lắng dịu. Điểm không nằm to tướng trong bài tập như cười đùa trên cọt. Buổi trả bài vấp vấp không ngớt ám ảnh My... cô úp mặt vào tay, buồn rĩ rượi.

– My ơi, mở cửa cho anh!

My rời phòng chạy ra mở cổng. Văn đang sánh đôi cùng anh Thi của My bước vào. My phớt lờ nụ cười cầu hòa của Văn, đổi hờn cúi đầu chào lạnh lùng.

– Pha nước mời khách My! – Anh Thi vui vẻ nói. Nước chanh ấy! Hôm nay Văn không được khỏe.

Hai ly nước chanh mát lạnh được đặt lên bàn. My cố ý đẩy ly nước không bỏ đường về phía Văn, ngọt ngào mời:

– Mời... anh!

Văn cầm ly nước đưa lên môi. My hả hê nhìn anh uống – cho đáng – My nghĩ thầm và khoái chí khi thấy Văn nhăn mặt đặt ly xuống bàn vội vã.

– Sao thế? – Thi ngạc nhiên hỏi.

– À, không, không có gì!...

Văn lại cầm ly nước lên, lặng lẽ nhìn My rồi... bình thản uống sạch.

My cảm thấy chột dạ, bối rối. Nhưng cơn giận chưa thể tiêu tan. Anh Thi chợt nhìn đồng hồ, đứng lên:

Mình có cuộc họp quan trọng, Văn ở nhà chơi với My nhé! Quay sang My, Thi nói:

– Tiếp khách lịch sự nghe cưng! Làm gì mà mặt như... cái thúng vậy?

Anh Thi đã đi – Hai “kẻ thù” đang đối diện nhau. My cảm thấy không khí thật lạnh và nặng. Không ai nói với nhau một lời. Cuối cùng, Văn lên tiếng:

– My oán anh lắm à?

My tấm tức:

– Anh biết rõ là... tuần trước My đã làm bài đầy đủ, học thuộc bài... kỳ này đã đến lượt My đâu? Anh cố tình làm nhục My trước mặt bạn bè. My ghét anh! Ghét anh!

Giọng Văn ôn tồn:

– Nghe đây! Hãy nghĩ xem nếu sau này My lớn lên làm cô giáo dạy em của bạn mình. My có chấp nhận cho học trò không thuộc bài điểm cao? My có chấp nhận thương em bạn nghĩa là phớt lờ hết mọi chuyện, làm ngơ trước những điều sai trái?

–

– Có lẽ nào tình thân của anh lại biến em thành cô bé biếng lười ỷ lại? Có lẽ nào em muốn anh thành một vị thầy thiên vị tồi tệ? Sao em lại quý buổi đi chơi hơn sự học của mình? Sao em lại đợi anh gọi mới chịu học bài, làm bài?? – Kiến thức phải vun bồi từng ngày chứ đâu phải là phút trả bài tranh hơn thua khoe điểm với bạn bè?!

Thấy My cúi gằm mặt không nói gì, Văn tiếp tục:

– My trả hết đồ chơi lại cho anh?... Cũng được! khi tình thân không mang lại điều ích lợi mà chỉ tạo nguy hại cho My thì anh không dám duy trì.

My ngược lên nhìn Văn. Nét chán chường thất vọng hiện rõ trong mắt anh. Giọng nói ôn nhu thuở nào bỗng trở thành xa lạ:

– Nếu em muốn... từ nay trở đi em không cần học nữa. Sẽ có hạng cao và điểm tốt đở chói, sẽ có giấy khen rỗng tuếch không do sức học của mình!....

Văn đứng lên:

– Anh về đây!

Chưa bao giờ My thấy mặt Văn thê lương trĩu buồn như lúc này. Những giọt lệ hối hận tuôn tràn trên má cô. Văn bước ra cửa, My đuổi theo kêu lên:

– Anh Văn! Hãy tha thứ cho My! My hứa sẽ không bao giờ như thế này nữa!

Văn quay lại, qua màn nước mắt nhoè nhẹt, My thấy đôi mắt Văn sáng lấp lánh như những vì sao và nụ cười của anh thật rạng rỡ. My òa khóc.

Bàn tay Văn dịu dàng vuốt tóc cô:

– Nín đi cô bé nhõng nhẽo! Anh uống ly nước chua lè của em mà anh

(Đã đăng trên MỤC TÍM qua bút danh Y.K)

HƯƠNG THÂM BẰNG HỮU

“Chiều về nơi đầu ngõ, ngang căn nhà màu trắng thấy ai đang trợn mình!”... Tôi muốn hát câu đó khi bắt gặp con nhỏ cứ đứng tựa cửa nhìn tôi. Mặt nó hách lạ! Cặp chân mày nửa hướng thiên nửa hướng địa nhướng nhướng đầy riều cọt mỗi lúc nhãn quang nó chiếu vào tôi. và trước khi chầm dứt trò “chiêm ngưỡng” tôi, nó nhún vai một cái!... Tôi không muốn nói là nó... rùng mình! Tôi chịu đựng cảnh trạng đó với một tâm tư âm ức khá lâu, cho đến khi tôi bắt thần toét miệng cười “đáp lễ” nhỏ theo đúng phương châm: “Tặng sự lễ độ cho kẻ hách dịch”... thì mọi chuyện bắt đầu đổi khác. Tôi hiểu ra rằng tất cả những gì nhỏ đối với tôi từ trước đến nay chỉ là sự giả trá, khi chiếc mặt nạ “quỷ quái” kia rơi xuống, tôi mới biết thế nào là hương vị ngọt ngào của tình bạn... Con nhỏ tên Lan, nhà nó dọn đến khu phố này ở tạm chờ ngày xuất cảnh. Tôi thì trọ học nơi đây cũng chẳng lâu, nhưng trong khoảng thời gian ngắn ngủi này đủ để chúng tôi thân nhau thắm thiết.

Ngày nhỏ, tôi không ưa con gái – dù tôi cũng là con gái! – Tôi cho rằng con gái là hiện thân của mọi tật tánh xấu xa, hẹp hòi và nhiều chuyện. Thêm vào đó, Mọi tương giao giữa tôi và đám con gái không lấy gì làm êm đẹp, lòng tốt tôi dành cho “họ” luôn bị bạc đãi phũ phàng. Tôi sống và lớn lên với thành kiến đầy ắp trong đầu. Rồi tình cờ đọc ở đâu có câu: “Đàn bà và tiểu nhân là hai kẻ không nên gần, thân thì lòn, mà sơ thì... oán!”... Tôi gật gù thầm khen: “Chí lý!”. Rồi quyết định “đứng xa mà nhìn” bọn con gái, để giữ yên ổn cho mình.

Nhưng... tất cả thành kiến xấu về con gái chợt lung lay và sụp đổ hẳn khi trái tim tôi bị nghĩa cử của các cô bạn làm mềm đi. Nếu tôi đến với họ bằng sự cố chấp, thì họ đối với tôi bằng sự khoan dung; nếu lòng tôi đầy nhỏ nhen nghi kỵ thì các cô bạn tôi là hiện thân của sự hào phóng, chân tình! Lan cũng là một trong những người bạn gái khả ái đã góp công xô ngã bức tường “đen” trong đầu tôi. Dần dà, tôi khám phá ra rằng: phe ta có nhiều đức tính thật đáng yêu! Nếu bản chất của tình bạn là vị tha và hy

sinh, thì các bạn tôi đã thể hiện trọn vẹn điều ấy, mà Lan là một trường hợp đơn cử điển hình...

Lan luôn luôn tìm cách làm vui lòng tôi. Sau này thân nhau rồi nhỏ mới thổ lộ:

– Nghe mọi người nói nhiều về Bích, mình trêu, cố tình khiêu khích thử xem sao... chứ trong thâm tâm, mình khoái Bích từ khuya rồi!

Tôi cúi mặt cố giấu nụ cười khoái chí. Tôi giống như con mèo đã thu hết móng vuốt vào trong, chỉ còn lại dáng vẻ nhu mì bên ngoài để lừa thiên hạ. Không hiểu sao khi người ta khen những điều mình không có, tôi lại sửng phồng mũi? Và khi người ta chê những tật tánh mình, tôi lại căm ghét...? Có lẽ được khen, dù không đúng sự thật luôn làm mình dễ chịu hơn? Tôi sẽ thu bằng những lời người ta tán tụng (thu bằng tâm não), tôi thề tôi sẽ xếp loại những kẻ dám coi thường, chê bai tôi là hạng “không có mắt”! và còn khuya tôi mới yêu được kẻ coi thường mình.

Tôi năng lui tới nhà Lan vì nhà nó toàn con gái. Lan là chị cả, sau nó còn hai đứa em. Lan rất có tài, còn nhỏ xíu mà nó đã biết kinh doanh lớn, tự lo cho bản thân và nuôi cả gia đình. Những ngày gần đi, dù rất bận, Lan càng quan tâm săn sóc tôi hơn như bù đắp cho lúc xa nhau. Tôi thích thứ gì là Lan tìm mua ngay, bất kể đắt, rẻ và đích thân nó xuống bếp làm bánh cho tôi ăn, dù nó nổi tiếng là chúa lười, ít khi nào chịu lăn vô bếp. Đôi khi ôm quả um sùm của nó, tôi tỏ vẻ ái ngại thì Lan hùng dũng nói:

– “Không phải kẻ nhận, mà chính người cho mới hạnh phúc”! – Và thưa bạn, tôi rất muốn cho nó được “hạnh phúc”...

Lan vừa đánh trứng làm bánh vừa hỏi tôi:

– Ê! Có thích làm bánh không? Không tập làm, mai một ta đi rồi ai làm cho ăn?

Tôi cười:

– Mình không có khiếu... Hồi nhỏ cô mình có dạy nhưng cô cứ bảo “khó lắm” nên mình không can đảm học!

Lan chu môi:

– Xời ơi! Dễ ợt! Lan làm được là Bích làm được. Đây nè! Bích cứ nhìn Lan làm, ăn chừng ba ổ bánh là Bích rành ngay!

Mà đúng thật, ăn tới... ổ thứ ba, tôi biết làm bánh không thua kém gì Lan. Tôi thích kiểu dạy “tuyệt vời” của nó. Câu mở đầu “dễ lắm” chính là nấc thang cho người ta tiến lên. Chả bù với cô tôi, cô đã hủy diệt “thiên tài” của tôi! Nếu không nhờ Lan khơi dậy, tôi cứ tưởng mình vụng về, có tai hại không chứ?!

Mẹ Lan là một phụ nữ không đẹp nhưng rất dịu dàng. Nhìn bà, tôi thấy câu “Dịu dàng là đức tánh của thánh nữ” quả rất đúng! Bà không bao giờ lớn tiếng la rầy ai, ngay cả lúc Lan làm ăn thất bại, Lan bị giựt hụi tưởng như khánh kiệt gia tài. Con bé hóc hác trông thấy, mẹ Lan ôn tồn khuyên:

– Đồng tiền mất còn kiếm được, nhưng sức khỏe thì khó tìm! Không nên buồn mà sinh bệnh... Có lúc “được” thì cũng có khi “mất”, rồi mẹ sẽ gây dựng lại giúp con, thua keo này ta bày keo khác, con ạ!

Những lúc ấy Lan dụi đầu vào ngực mẹ thủ thỉ:

– Con rất hạnh phúc vì được làm con của mẹ...

Lan đã nói thật lòng mình. Nó cho tôi biết nó chỉ là con nuôi, nhưng không bao giờ Lan có mặc cảm lạc loài. Ngay cả chính tôi còn có cảm giác như là người thân trong gia đình nó. Lan thường bảo tôi : “Kiếp sau mình làm chị em ruột đi!”

Tôi cười:

– Đợi gì đến kiếp sau? Mình đã là chị em rồi!

– Nhưng... nếu là chị em thật sự thì mình đã “bóc” Bích xuất cảnh theo được rồi, có đâu phải chia mỗi người một ngã thế này? – Lan phàn nàn.

Tôi không nghĩ như Lan. Tôi có rất nhiều chị em, không ruột thịt nhưng lại thân thiết vô ngần, nên tôi không bao giờ mơ ước một điều tự nó đã có sẵn. Cả nhà Lan không ai đẹp xuất sắc, nhưng tất cả đều tốt tính. Mẹ Lan thường bảo tôi:

– Bác không cần sinh con gái đẹp... Vừa thôi! Con gái đẹp thường hay khổ! Bác không muốn con mình khổ.

Thật vậy chẳng? Chẳng lẽ có sự bất công thiên vị như thế của tạo hóa? Đành là trong các mối tương giao, tôi nhìn nhận đa số các cô gái không đẹp, tính nết rất dễ thương. Nét đầu tiên của họ là sự khiêm cung dịu dàng. Các cô thường nghĩ đến người nhiều hơn lo cho bản thân mình. Gia đình Lan là một chứng minh. Nếu như... mỹ nhân nào cũng có đức tính khả ái đó và không hề nghĩ đến chuyện làm khổ người khác thì chắc “hồng nhan” cũng “hồng phận”? Sự “bạc phận” bắt nguồn từ trái tim bạc? Bạc từ trong bạc ra? Những tật tánh nào mình có sẽ hành hạ và làm khổ mình trước tiên, sau đó mới lan tỏa ra làm khổ lây đến người chung quanh. Phải vậy không?

Ngày chia tay Lan, tôi không khóc được. Những lá thư tôi viết cho Lan không thường xuyên, nhưng tình bạn chúng tôi mãi ngọt ngào, khó thể phai nhòa với thời gian. Những mối tương giao êm đềm của tình bằng hữu giúp tôi thấy rõ một điều: “Tình bạn tốt không khó, mà chính mình biến thành bạn tốt mới khó. Và khó nhất là tha thứ được những cái xấu người ta đem đến cho mình”. Tôi chợt nhận ra rằng: “Ai biết yêu thương và hy sinh, sẽ không bao giờ cô đơn” và “Ai sống hết lòng, hết tình vì người sẽ không bao giờ thiếu vắng bạn bè”.

(Đã đăng trên báo G-N 28/1996 dưới bút danh H.T.H)

MÁI ẤM (Hồi ký Hạnh Đoàn)

Đang ngủ, tôi giật mình vì chuông điện thoại reo vang... rồi bên kia đầu giây tiếng chị bạn thôn thức: – “Em ơi, anh lại ngoại tình – lần này chị nhất định ly dị, em nghĩ sao?”...

Hơn cả giờ đồng hồ chị tâm sự với tôi, còn tôi thì cố xoa dịu chị.

Hồi nhỏ, trong trí tưởng tượng của tôi cuộc đời rất thơ mộng nên tôi chẳng thấy thú vị gì khi học lý khở đế của Phật. Có vẻ bi quan làm sao ấy. Nhưng tôi rất thích nghe Phật tuyên bố: “Đến để nghe ta nói chứ không phải để tin ta. Tin mà không hiểu là phỉ báng ta”... và cả cái câu dặn dò đầy tinh thần dân chủ, minh triết: “Đừng tin điều gì bởi nó được thốt ra từ các bậc thánh, từ kinh điển hoặc phong văn... nếu chưa trải qua sự quán xét của trí tuệ và sự thực nghiệm của bản thân”... đã khơi dậy trong tôi niềm sùng bái, kính phục Ngài vô kể.

Lớn lên, tôi có dịp chứng kiến và trải nghiệm lại những gì Phật đã dạy. Mùa xuân hai mươi tôi về thăm nhà sau nhiều năm xa cách. Đang ngồi chơi với gia đình thì ông anh họ tôi chạy ào vào cầu cứu. Chả là anh đang bị đánh ghen vì cái tật khoái “đa thê”.

Cảm thấy mệt, tôi liền sang nhà chị Hai mình ở cuối xóm. Nơi đây chẳng yên ổn gì – ông anh rể tôi đang bành trướng tật lãng nhãng và mới rước về vị phu nhân thứ... ba! Bà vợ thứ hai đang lờng lộn tìm đến đòi “trị tội”, còn chị Hai tôi – là vợ cả – vị chánh phi này đã ngao ngán đến tận cùng, nên cứ ngồi im bất động chẳng thêm ý kiến gì.

Sau đó, suốt đêm tôi không tài nào ngủ được, vì chị cứ đánh thức không cho tôi ngủ – bằng cách kể lể, nói ra rả vào lỗ tai tôi – bắt tôi phải nghe những cuộc tình xa xưa của chị, những cuộc tình chói lọi, vẻ vang... vì lúc ấy người đau khổ, tan nát tim gan... là các đấng mày râu đeo đuổi chị, chị kể với giọng bùi ngùi, hoài niệm thời oanh liệt xa xưa... Tôi biết chị đang thống khổ lắm nên mới trút hết qua tôi nhằm giải tỏa cơn sầu. Dường

như số phận tôi là cứ phải lau lẹ cho các phu nhân, chứng kiến những cuộc tình đổ nát.

Rồi nhờ bạn tôi thân tôi lấy chồng. May mắn là tôi chẳng phải lau lẹ cho các bạn đồng trang lứa – nhưng tôi phải đi đám nhỏ bạn thân. Nó lia đời vội vã sau hai năm kết hôn, để lại hai đứa con bơ vơ. Chúng còn bé quá chưa biết khổ đau vì người giết mẹ là cha. Tôi và các bạn bình thân đi đám, ông chồng thì ngượng ngập – nhưng trong tâm thức chúng tôi đều hoài nghi, thắc mắc: Hôn nhân là cái gì đó lạ lùng quá? Và lần đầu tiên tôi tự hỏi: “Liệu hạnh phúc có thật hay chẳng?”... Tôi chợt nhớ đến hình ảnh Thái tử Tất Đạt Đa nửa đêm vượt thành lìa gia đình tầm đạo. Nếu thật sự có hạnh phúc? – hẳn ngài đã “tiên phong” trong việc “thọ hưởng” và chẳng cực nhọc khuyên bảo rằng “Tam giới bất an như nhà lửa”. Lửa chẳng thấy bằng mắt nhưng sức huỷ diệt của nó cực mạnh, nó đốt cháy con người bằng những phiền muộn từ những mất mát không ngớt qua các tai họa đột ngột. Ông anh họ tôi có lần đến thăm đã tâm sự:

– Tại sao mình thương mình cưới mà hôn nhân vẫn làm mình chán chường?

Anh nói với vẻ mặt thành thật vô cùng. Tôi không biết trả lời sao với anh – anh thuộc loại đứng đắn, sống nhiều về nội tâm, không bê tha trác táng. Gia đình anh lẫn bên vợ đều khá, vợ chồng có vẻ hợp và giống tính nhau. Nhưng chuyện gia đình, tôi biết gì mà nói?

Tôi cố vớt vát bằng câu đáp:

– Nếu anh đòi một hạnh phúc vẹn toàn lý tưởng thì hiếm lắm. Còn chịu an phận với những gì mình đang có thì may ra...

Anh mỉm cười. Nụ cười thông cảm tình thế dễ á khẩu của tôi. Quay sang chỉ bạn mình, anh nói:

– Như thằng Duy đây thì chưa ngán, vẫn còn muốn lập phòng nhì.

Tôi thắc mắc hỏi anh Duy:

– Vợ anh hiền, đẹp cả người lẫn nét mà anh còn bay bướm nữa chi vậy?

– Nhưng các cô tử tế với anh quá làm sao anh ghét họ được? – Anh cười đáp.

– Em không hiểu sao anh có gia đình, “tàn tạ” vậy mà vẫn có người đeo?

– Ôi! Em khờ ơi! Mấy cô có nề hà gì chuyện ấy? Chỉ cần anh có sự nghiệp là đủ đắt giá rồi!

Ra là vậy – anh là giám đốc hãng xưởng lớn, sự giàu có của anh cũng dễ mời “hạnh phúc” và khiến hạnh phúc mong manh! Hèn gì mà các anh khi có chức, có quyền, có tiền... đều có cơ hội báo hại tôi... lau nước mắt cho vợ họ!

Có lần vợ anh khóc rầm rức, bảo tôi:

– Em biết không, hồi đó anh nói không cưới được chị ảnh chết. Ảnh thương tới tương tư vô và thương nầm... ối máu! Vậy mà giờ tệ bạc đều cáng vậy đó! Hồi thương quỳ lụy bao nhiêu giờ phũ phàng bấy nhiêu!

Một cô bạn khác hùa vào:

– Tin đàn ông là chết! Đàn ông đời nay giả dối lắm!

Có thật vậy không? – Với tôi, đàn ông đàn bà gì cũng vậy. Có tài, có sắc nhiều, cơ hội làm lỗi càng nhiều.

– Thật ra mấy ông không đều cáng đâu, họ sống rất thật! – Tôi đã bảo bạn mình như vậy. Trong lúc các cô tròn mắt nhìn tôi thì tôi tiếp tục:

– Nếu hồi xưa không cưới được chị ảnh dám chết lắm – cái tâm say đắm lúc ấy là có thật. Nhưng tâm con người thì vô thường, lúc thế này, lúc thế kia, khó giữ được một niệm thường hằng thiên thu. Khi tâm say đắm nổi lên họ không cưỡng lại được, khi nó tàn rụi chán chường thì họ cũng bị

chi phối theo. Bao giờ người ta chưa làm chủ được tâm mình thì còn khổ dài dài, không có người khác làm khổ thì tự mình làm khổ mình. Bởi thế mới có lời than: “Tôi có muốn thương đâu mà lòng tôi cứ thương!”.

Tâm thức giống như một dòng chảy bất tận, niệm niệm sinh diệt thay đổi không ngừng. Người ta nói không thể tắm hai lần trong một dòng sông (vì làn nước cũ đã trôi qua mất). Cũng vậy, muốn tìm lại niệm say đắm của thuở xưa cũng chẳng được (vì chúng cũng “trôi qua” rồi). Thế nên, khi hai vọng tâm chốc thoáng tìm gặp nhau rồi kết hôn, bản chất vọng niệm là nhất thời chốc thoáng, mà muốn tạo hạnh phúc trường cửu thì rất khó được. Bởi vậy người ta thường hay nhắc là phải “hâm nóng”, làm “mới” lại cái tâm ban đầu, “Nhật tân, nhật tân...”, phải sống từng ngày thật tinh khôi mới mẻ... Song việc này không dễ thực hành nên hạnh phúc cứ nằm ở cõi mộng, tha hồ cho thế nhân ước ao – còn ước ao là còn chưa với tới!

Trong kinh điển Phật giáo nguyên thủy, tôi tình cờ đọc một đoạn: “Khi bạn có vợ (hay chồng), đừng nghĩ người vợ (hay chồng) đó là của bạn – bởi vì “ta” và “của ta” luôn đem đến đau khổ. Câu này có ý găm thật hay. Sự bám víu, sở hữu luôn làm ta khổ. Lửa đôi đang hạnh phúc mà tử thần cướp đi một người thì thật thống khổ. Lửa đôi đang hạnh phúc mà bị tình địch cướp đoạt hoặc tình cảm bị sẻ chia... cũng khổ. “Thiên tai” hay “nhân tai” gì cũng gây điêu đứng hết, mà mọi sự mọi vật ở đời này luôn bấp bênh. Muốn hạnh phúc thì đừng bám víu và phải hiểu rằng lúc nào mình cũng có thể bị mất mát – không lẽ cứ mãi bám víu rồi tự hành hạ mình bằng cách ôn đi ôn lại tật tánh của người tình phụ? Hay cứ chấp vào lời hứa “siêu mật ngọt” mà họ đã quên tuốt luốt từ năm nào năm nào? Có trách móc, mắng nhiếc, thán oán cho lắm... thì muộn phiền trong lòng chỉ càng tăng chứ không giảm và khổ đau theo đó càng được tô đậm thêm. Thật ra chẳng ai thương mình bằng mình, dù người ta khẳng định như đinh đóng cột, có thốt leo lẻo là “thương mình hơn mạng sống họ”..., dù họ hứa rất thật lòng rằng sẽ mang hạnh phúc lại cho ta, song câu này chẳng đáng tin – vì hạnh phúc là do mỗi người tự tạo. Chính ta phải tự cứu mình, nương nhờ vào mình chứ không thể trông chờ vào ai khác, chính ta phải chọn cách tư duy sáng suốt, sao cho tâm tư nhẹ nhàng an ổn, chính ta phải tự vực mình dậy từ vực thẳm, tự nâng mình lên, tự

ban cho mình niềm vui và hi vọng để sống... Người ngoài chỉ có thể cho lời khuyên, lời an ủi, nhưng chỉ có ta mới đem lại hạnh phúc cho chính mình! Nếu hạnh phúc có thể ban tặng, chế tạo dùm thì Phật và chư thánh đã rải đầy trần gian, đâu cần khô môi nhắc nhở chúng ta phải tu, phải sửa?

Tôi muốn nhắc nhở đến những người bạn thân thương nhiều khổ đau của tôi rằng, đời còn nhiều điều để chúng ta hạnh phúc lắm. Ta đang có thân thể lành lặn, con cái ngoan, bạn bè tốt... Mà nếu không có...? Thì mình tốt vậy! Hãy thương mình nhiều hơn (bằng cách dành thì giờ tu sửa tâm tính mình), hãy buông và cho qua thật nhanh những phiền muộn trong tâm, vì đắm chìm, níu kéo hay nuôi dưỡng những tư tưởng muộn phiền chỉ khiến ta sống cằn cỗi héo úa, chứ không giúp ích gì cho thân xác lẫn tinh thần ta. Các bậc triết gia thường khuyên những người sâu não hãy biết thanh lọc tâm trí, không nên nghe nhạc buồn, mà chỉ nên nghe nhạc vui, nên xem phim hài hước nhẹ nhàng, không nên xem hay đọc những gì làm tăng thêm niệm uỷ mị, sụt muốt, sầu đau...

Ta cần sống thanh thản và ra đi trong sáng. Bởi, khi mình sống còn có người dìu mình, chứ lúc từ biệt cõi đời chỉ có riêng ta dìu ta. Một cái tâm buông xả nhanh, chịu quét sạch rơm rác trong lòng mới có được hạnh phúc và bình an. Chỉ khi tâm bình ổn ta mới chịu đựng được khổ đau và khéo léo hoá giải, biến nó thành an lạc.

(Đã đăng báo G-N 161 ra ngày 10/5/1999 qua bút danh H.T.H)

QUÊ CHA ĐẤT TỔ (Viết theo tâm sự của Hương)

Khi nghe ba tôi đòi về Bắc thăm quê một chuyến, tất cả chúng tôi đều ngầm không đồng ý – mấy mươi năm rồi, biết có còn ai để gặp? Mà ba tôi tuổi già sức yếu, “thất thập cổ lai hi” rồi, ra Bắc nhờ không còn ai thì nguy. Chúng tôi không buông lời cản, nhưng cứ hẹn lần lựa khiến ba tôi chờ mãi đâm bực mình, cương quyết phán một câu: – “Nhất định cuối năm nay tao về Bắc thăm quê, bất kể chúng mày có đi hay không!”

Các anh tôi thì tử nhiều khê nên tôi được đề cử theo chăm sóc ông. Nghe tôi sắp ra Bắc, bạn bè thân quen góp ý:

– Nè, nghe nói Hà Nội ghê dữ lắm, đồ đạc phải coi chừng cho kỹ, cướp giật như rươi đó!

– Em không về Hà Nội mà ra Lạng Sơn kia!

– Giời ơi! Ở quê cần phải cẩn thận hơn!

Người khác lại khuyên:

– Này, ra ngoài ấy ăn mặc xuềnh xoàng thôi, đừng ăn vận sang quá mà họ hàng người ta tủi! – Kinh nghiệm về quê cha đất tổ của chị truyền cho đấy, chớ có mà xem thường rồi hối hận không kịp!....

Thế là tất cả quần áo đẹp, sang tôi cho vào tủ cất hết. Sau đó tôi bỏ cả ngày để xào nấu, cụ bị thức ăn đem theo. Ba tôi định ở quê một tháng, mà trường trai như tôi chắc khó tìm món chay thuận tiện, thôi thì chuẩn bị vẫn hơn.

Ngoài những món quà để biếu thân tộc, hành lí tôi mang theo khá linh kinh vì quần áo lẫn thức ăn.

Bốn giờ chiều, chúng tôi thuê xe từ Long Thành thẳng tới ga để đi chuyến tàu 8 giờ tối. Xe lửa bây giờ thiết kế khang trang tiện nghi hơn xưa nhiều. Hành khách cũng có thể đặt món chay cho mình. Tôi còn mang theo bánh, trái cây để ăn giặm nên cha con tôi tha hồ vững dạ mà ngắm cảnh với cái bụng no. Chỉ hiềm tôi có tật dễ ngủ quá, đứng một chân tôi vẫn có thể đi vào mộng thì nói gì đến chuyện ngự ở toa nằm? Nên rốt cuộc chỉ có ba tôi và thằng cháu đi cùng là ngắm cảnh trọn vẹn – Đó là lí do vì sao tôi chẳng thể tả cảnh nhiều trong suốt lộ trình.

Tàu đến Hà Nội vào buổi trưa. Thuê chiếc xe con về Lạng Sơn thì đã tối mịt. Đường rõ xa! Dòng họ tôi thuộc dân tộc Tày, cư trú ở Đình Lập, một vùng núi đồi tí tấp. Leo lên đến nơi thì tôi đã mệt nhoài. Thân thuộc té

nhì để chúng tôi nghỉ ngơi cho lại sức. Tỉnh táo rồi mới nhìn rõ thân nhân chứ lị.

Sáng hôm sau tôi theo ba đến thăm nhà bác Cả (anh ruột của ba tôi) trước tiên. Năm mươi năm hơn, giờ anh em mới được gặp nhau. Hai người ôm nhau thật lâu. Ở đây ba tôi còn ba người thân là bác Cả, bác Ba và cô Bai, em út ba tôi. Cuộc hội ngộ mừng vui không kể xiết. Ngoài ra, thân tộc họ hàng khá đông, mỗi ngày ba dẫn tôi đi thăm một nhà, hơn hai mươi ngày mà vẫn chưa giáp vòng. Đêm thì ngủ lại ở nhà bác Cả, cứ sáng ra là đi thăm thân nhân. Chúng tôi ở nhà nào, họ hàng tụ lại cả nơi nhà ấy. Nên vui cứ như tết. Chủ nhật là tụ họp đông đủ nhất, vì ngày thường các anh chị em họ của tôi bận việc tận dưới phố, người thì đi dạy, kẻ đi học hoặc bận chuyện cơ quan, nên chỉ rảnh duy nhất ngày chủ nhật. Có khi cũng không về, vì ở xa quá. Nhưng nghe tin có chúng tôi, tất cả đều tề tựu về đủ. Các nhà lần lượt mở tiệc, nghèo thì đãi gà vịt, khá hơn thì ngà heo. Bác Cả đã thịt con heo nhỏ làm tiệc đón mừng khi biết ba tôi sắp ghé thăm.

Ở đây dân cư thưa thớt, mỗi nhà cách nhau từ hai đến bảy cây số. Nhà nào cũng được xây bằng đất nung, trông chắc và bền. Điện chưa kéo tới, toa-lét và nhà tắm được xem như là... “xa xỉ phẩm”. Bà con tôi nhà nào khá thì cũng có, nhưng hộ nào có nhà tắm thì lại không toa-lét, và ngược lại, có toa-lét thì không có nhà tắm. Nghĩ thật ngộ. May mà tôi thuộc dạng giỏi “thâu vào” và... nhin “cho ra” khá, nên ngót ngét ba tuần, tôi chỉ tìm nhà vệ sinh độ năm sáu lần, nhưng “nín” như thế cũng đủ khôn khổ rồi!

Lần đầu ghé thăm bác Cả, khi bụng thốn tới, tôi nói khẽ vào tai Tâm, nhỏ cháu con bác:

– Ở đây có nhà cầu không?

Tâm đáp tinh rụi:

– Nhà cháu chả có ai đi cầu cả dì ạ!

Đến lượt tôi trở mắt nhìn cô bé và buồn cười vì câu đáp. Sau này tôi kể chuyện ấy cho các bà chị họ nghe, ai cũng cười sặc sụa và Tâm đỏ mặt khi hiểu ra mình đáp sai. Nhỏ cười bảo tôi:

– Ở đây rừng núi mênh mông chỗ nào cũng “đi” được cả dì ạ, dễ lắm cơ!
(Ồi trời, dễ với dân cư nơi này chứ với tôi thì chẳng dễ chút nào!)

Nhà chị Cam (mẹ cháu Điệp) ở tít trên đồi cao. Đi thăm từng nhà cách xa nhau cũng chẳng phải dễ. Phải leo đồi, lội suối... mới lên được. Có nơi cũng đi xe đạp được, song có chỗ phải leo trèo chứ không thể dùng xe. Đi rã chân, mệt nhoài. Lắm lúc gặp dốc cheo leo tôi cứ cảm giác như mình có thể rơi nhào xuống bất cứ lúc nào, mà hễ càng sợ thì đôi chân tôi càng ra sức bám chắc vào đất đến nỗi nó tê dại, sung vù lên.

Phần ba tôi, lúc ở trong Nam, ông còn đau rề rề, vậy mà vừa ra tới quê, ông khỏe lạ. Ông vui vẻ, trẻ trung, (xổ tiếng Tày như gió chứ không nhả từng chữ từ tốn như nói tiếng Việt). Ông bước đi thoăn thoắt, mau lẹ đến độ tôi muốn nói là ông “bay” chứ không phải đi. Cư dân ở đây đều “bay” như thế cả, duy chỉ có tôi là lết – tôi dùng đúng từ – dù tôi thuộc loại năng động chứ không có cốt cách tiểu thư khuê các, vậy mà tôi cứ tụt lại ở hàng chót, dù anh chị đã gánh dùm tất cả hành trang. Mệt mà vui, vì tình thân thuộc quá nồng ấm... Ba tôi nhận ra từng con đường, gốc cây... như thể ông mới rời quê hôm qua, hoặc gần đây thôi.

Đi mãi, leo mãi, đầu tóc tôi rối bù, mồ hôi tuôn nhễ nhại, thêm vận trang phục “bần hàn” cho bà con dừng tải (như lời người ta khuyên) nên trông tôi càng thảm hại. Hai chiếc vớ tôi đều giãn thun và tuột hẳn vào trong giày, còn đôi giày dính đầy đất đỏ, hủ mồm và gãy đế.

Buổi tối tôi ngủ lại nhà chị Cam, có lẽ bộ dạng tôi làm Điệp tủi lòng, nên khi tôi chui vào ngủ, Điệp ôm chặt lấy tôi thủ thủ:

– Dì ơi, sao cháu thương dì quá! Và Điệp chọt thét lên:

– Chết rồi! Thôi chết rồi!

Tôi đâm hoảng, hỏi dồn:

– Có chuyện gì vậy?

Điệp ngồi bật dậy:

– Cái xe đạp... dì ơi!.... Cái xe ! Cháu còn để tận dưới ruộng, quên không đem vào gửi nhà người rồi!....

Tôi lo lắng:

– Vậy có bị mất không, giờ làm sao?

Điệp lại nằm xuống:

– Chẳng có ai lấy cắp đâu dì ạ! Cháu chẳng sợ mất xe mà sợ trâu nó húc thôi. Mang xe lên đây cực và bất tiện lắm nên cháu gửi nhà người quen dưới đồi... Ôi dào ! Sao mà đãng trí thế không biết? Thôi, dì ngủ đi, cầu cho trâu nó đừng húc...

Đó là nét thẳng ngay của cư dân ở đây. Khi ra đến chợ Đình Lập, thấy tôi đứng lóng ngóng với chiếc xe đạp chưa dám thả ra thì người ở đấy bảo:

– Cứ để xe ở đấy, chẳng mất đâu!

Tôi thoải mái bỏ mặc chiếc xe y như lời. Còn chị Liễu (chị họ tôi) đang bán hàng trong chợ, nhắc thấy tôi chị liền bỏ hàng dẫn tôi đi dạo chợ. Thấy chị không gọi hàng cho ai trông hộ, mà bỏ đi quá tự tại, tôi lo lắng hỏi thì chị cười xòa:

– Ở đây phần ai nấy bán, chẳng ai lấy của mình đâu mà lo!

Điều làm tôi thích là hoa quả, rau trái nơi này bán rẻ đến ngạc nhiên. Họ hàng lại cung, tới bữa ăn đặc cách tôi mâm riêng, rau quả ăn tha hồ. Buồn cười là vùng này chẳng ai ăn nước tương, (*ngoài chợ chẳng hề có bán*), tôi tự chế nước chấm bằng muối. Ai cũng xót xa vì thấy tôi không ăn được

thịt cá. Dân Tày có tục lệ rất dễ thương là khi nhà có tang tất cả cư dân đều kiêng ăn thịt cho đến khi chôn cất người chết xong.

Nhân buổi tiệc, có Vũ (*em con chú*) làm ở xã đến, vai em chứ Vũ lớn tuổi hơn tôi nhiều, diện mạo đường bệ... Nhân lúc bàn về tôn giáo, Vũ cười bảo ba tôi:

– Bác ạ, hôm trước cháu bắt được mấy người tu giả!

– Sao cháu biết là tu giả?

– Giời ơi! Làm sao mà chẳng biết? Tu gì mà béo tròn béo trịch thế kia? Ăn chay thì phải gầy còm chứ! Đẳng này ...

Ba tôi liền trở vào tôi:

– Thế chị mày ăn chay trường đấy! Xem nó có ốm gầy đâu?

Vũ trố mắt nhìn tôi chăm chăm rồi ngẩn mặt:

– Ủ nhỉ! Quái! Chị ăn chay sao mà tròn thế? Giờ em mới biết đấy!

– Thế em xử lý đám “người tu giả” kia ra sao rồi? – Tôi thắc mắc hỏi.

Vũ cười hèn hệt:

– Em nhốt họ lại, tới bữa ăn mang thịt cá đến cho họ ăn nhưng họ không chịu ăn. Sau đó thì em thả họ đi rồi!

Cả nhà đều phá ra cười. Chuyện đi này kể ra tôi cũng có công với đạo – nếu không thì nỗi oan “tu giả vì béo” có mà nghìn thu mới gột rửa được!

Mỗi ngày từ sáng sớm tôi thường mang đồ ra suối giặt. Trời cuối đông rét công, răng tôi va nhau lập cập, da nhẵn nhúm nứt nẻ đến tươm máu. Chị Bình là dâu bác Ba, rất giỏi việc, đảm đang.

Chị thường khen tôi:

– Chú thím thật có phước mới có cô con gái tốt bụng siêng năng, chịu thương chịu khó như em!

Nghe khen mà xấu hổ. Tôi chẳng sao bị được với các chị. Phụ nữ Tày ở đây rất cực. Nước đi lấy tận dưới suối, gánh lên rất xa và vất vả. Vì nhà nào cũng ở trên đồi cao, mà đường lại không dễ đi. Vậy mà tất cả việc cơm, nước, củi phụ nữ đều quán xuyến hết. Con trai ở đây sướng hơn nhiều, chẳng phải làm gì, chỉ phụ việc vào mùa lúa. Do khí hậu quá lạnh, mỗi năm chỉ làm một mùa và làm vào buổi sáng thôi. Dù vậy lúa cũng đủ ăn. Bà con thường bảo không giàu tiền bạc chứ cha con tôi mà về ở họ hàng vẫn thừa sức nuôi, lo cơm gạo đầy đủ.

Nhìn các chị bận rộn tất bật như con quay mà lòng tôi xót xa lắm, phải nữ cực từ thời con gái cho đến ngày nhắm mắt. Ra đây tôi mới hiểu điều này, chứ ở trong Nam ba tôi cũng ưu ái con gái nên các anh tôi gánh phần nặng nhọc nhiều hơn. Mỗi lần nhớ tới cuộc sống phụ nữ ở đây tôi thấy thương và tội làm sao.

Ba tôi nhờ người xây mộ ông bà nội xong thì đã hai tuần. Ai cũng bảo ba tôi giống hệt ông nội và kể trước khi nhắm mắt, nội vẫn còn buồn vì không được gặp con trai. Mắt ba tôi dần dần nước. Ly hương từ thuở chưa tròn đôi mươi – rồi đất nước chia cắt, rồi kinh tế eo hẹp – đến khi ba tôi có thể về Bắc được thì mộ song thân đã xanh cỏ – Nhưng hai ngôi mộ được xây đắp tươm tất khiến họ hàng mát lòng, ba tôi cũng đỡ sầu khổ.

Nhìn đồng củi chị Bình vận chuyển về tôi nể phục phỏng vấn:

– Chị chặt hết đó hả?

Chị Bình cười:

– Ừ, cứ chặt tha hồ rồi phơi trên ấy cả. Khi nào cần xài lên lấy về.

– Để củi trên ấy chị không sợ bị trộm à?

– Ôi dào! Chẳng có chuyện đó đâu! Dem về chỗ đâu mà chứa? Phần ai chắt nấy xài, chẳng ai lấy của ai cả!

Tôi nhớ lại câu “Ngoài Bắc trộm cướp như rươi” mà buồn cười. Dân ở đây chắt phát đến dễ yêu! Bởi tôi cứ sợ vì nghe hăm he mãi nên giờ hóa ra tôi thành thảm hại nhất.

Con gái ở đây đỏ da thắm thịt, xinh đẹp mặn mà, còn tôi? Trời ạ, cái rét tàn phá dung nhan tôi khủng khiếp! Về phần y trang, các chị em ở đây ai đi dạy hay đi làm cơ quan đều ăn vận duyên dáng, trông rất ra vẻ, trừ những vị làm việc nhà lam lũ ra thì tất cả đều đẹp và sang. Tôi nghĩ đến mớ quần áo cũ đem theo định cho họ hàng mà xấu hổ... Đưa ra chắc có nước độn thổ. Nhưng chẳng lẽ đem vào Nam lại? Thấy chị Bình là dân dã nhất nên tôi thấy lại cho chị mặc làm rầy...

“Khi thương xấu cũng thành duyên”, lách thếch như tôi vẫn được ưu ái khen ngợi hết lòng. Giày thì há mỏ, vớ lỏng lẻo, thêm cái quần tây đen tôi mặc luôn tóa mốc trắng cứ như nó được ướp lớp sương muối lên vải. Quái! Ở đây chẳng ai lâm cảnh ngộ như tôi cả. Ba tôi thì trắng đỏ mập khỏe, cả thằng cháu về thăm ba mẹ ở đây cũng phát tướng bánh tẻn. Chỉ có tôi da càng đen đúa, nứt nẻ và còn có thêm mấy mụn chốc lở vì mặt gà, mặt bò... cắn đến phát khùng. Bởi do tôi khi tắm, vì không có nhà tắm nên phải núp sau mấy chuồng gia súc tắm mới nên nổi... Giọng tôi thì oàm ạp như vịt, thế mà các chị cứ khen, bảo giọng Nam của tôi nghe thật thích, ngọt ngào, dễ thương...

Các chị hỏi tôi biết hát vọng cổ không? Ai cũng bảo:

– Giọng ngọt như em chắc hát vọng cổ hay lắm? Ngoài này tụi chị thích nghe cổ nhạc của miền Nam và ưa xem phim dân Nam đóng...

Tôi cười:

-Vậy mà tụi em lại thích xem phim Bắc đóng chứ, bạn em bảo phim Bắc đóng rất sâu sắc, giàu chiều sâu nội tâm...

Các chị cứ đòi tôi hát vọng cổ. Tôi nín khe. Thà im lặng để sống trong hào quang ái mộ tưởng tượng của các chị, chứ nếu tôi hát thì kiếm ra chỗ đâu cho các chị “bôn đào” (để tỵ nạn âm thanh của tôi cho kịp thời)?

Tình thân thuộc khiến ba tôi như hồi sinh, tươi tắn. Mà đứng với anh chị, trông ba tôi trẻ, bụ bẫm hơn thì phải rồi. Hàm râu dài bạc phơ trông ba tôi chẳng lão mà nhìn càng phúc hậu, đẹp thêm.

Có lẽ ba tôi sẽ trụ ở quê lâu nếu như không có tôi. Nhìn tôi da nứt nẻ, chốc lở thảm hại... ba tôi tội nghiệp nên ra quyết định về sớm. Buổi chia tay đầy bịn rịn. Lần đầu gặp lại họ hàng thân tộc mà sao tình cứ sâu như thể đã buộc ràng tỵ lâu lắm rồi.

Về lại trong Nam, ba tôi và thằng cháu vào nhà trước tiên. Chị dâu tôi suýt xoa:

– Gớm! Ở Bắc khí hậu tốt nhỉ? Ai cũng đẹp ra!

Đến khi tôi lột tót đi vào thì cả nhà đều bật ngửa:

– Giời ơi... Giời ơi! Sao cô... xấu thế? Kinh thế?....

Cô Đoan cười nghiêng ngả bảo tôi:

– Này, nếu ở ngoài ấy lâu chắc Hương... cùi luôn quá! Hi hi!.... Ha ha!.... Khiếp!

Mặc mọi người bình phẩm, tôi chỉ toét miệng cười. Hơn tháng rồi mà lòng vẫn chưa nguôi ngoai nỗi nhớ... Hình ảnh họ hàng thân thuộc cứ đọng mãi trong tôi. Thật đáng ân hận nếu như mình không có một lần về thăm quê cha đất tổ. Và tôi cứ kể chuyện Đình Lập, kể mãi...

(Đã đăng trên báo G-N 42 ra ngày 16/11/2000 qua bút danh H.T.H)

THỜI KINH CỦA MẸ

Hạnh Đoan (Viết theo lời kể của người bạn)

Huy xếp sách vở lại và ngồi thừ ngấm ánh trăng.

Con giận hờn với mẹ vẫn chưa nguôi ngoai. Mẹ chẳng tâm lý, chẳng thông cảm cho cái tuổi thanh niên như Huy chút nào. Tối qua Huy đi chơi về muộn mà mẹ cứ ca cẩm mãi đến phát bực. Không cực hình nào cho lỗ tai bằng phải nghe tiếng la rầy, nhất là tiếng cằn nhằn cứ mãi một điệp khúc. Huy chịu hết thấu nên gắt gỏng lại với mẹ. Anh đâm chán đời, chán tất cả. Mẹ quản lí Huy chặt chẽ đến độ lũ bạn chế nhạo rằng Huy chưa dứt sữa... “Đi chơi đâu thì đi! Chớ có mà rủ thằng Huy, chỉ tổ mang vạ, chỉ tổ mất hứng!” Lời bình của bạn bè làm Huy cay cú. Huy rất muốn chứng tỏ rằng mình có bản lĩnh, rằng mình đã lớn. Chứ sao! Tuổi mười bảy giang tay... gánh vác sơn hà được rồi chứ đâu phải thường? Thành tích học tập ưu việt của Huy cũng chẳng làm mẹ an tâm, mẹ cứ sợ Huy mê chơi, mãi lo đàn đúm với bạn bè rồi nhiễm phải thói hư tật xấu. Quả thật đời chẳng còn thú vị, nếu mẹ cứ canh Huy chằng chằng. Huy chán sống quá. Ừ, sao mình không chết nhỉ? Chết quách đi, khỏi học, khỏi cực, khỏi phải toan tính gì tất... Cứ ngủ một giấc nghìn thu, không muộn phiền không âu lo, rũ sạch hết mọi đa đoan, mọi vô lí chán phèo của trần thế. Chết cách nào đây nhỉ? – Uống thuốc rầy chẳng? Khó uống lắm, hôi quá chịu sao nổi? Thế thì uống thuốc ngủ vậy. Mà... lỡ nó không chết, hư bộ thần kinh, nửa điên nửa khùng thì dở sống dở chết chứ chẳng chơi. Hay uống thuốc sốt rét? Thuốc này mạnh lắm. Anh Ty ở xóm Huy tự tử bằng thuốc này. Ty cao một thước bảy, đẹp trai, bảnh bao. Vậy mà tới lúc chết thuốc vạt anh phình to, chẳng có cái hòm nào vừa với chiều dài của anh. Mặt mày trông phát khiếp, đã vậy máu cứ trào ra mỗi lần người thân lau mặt cho anh. Huy lắc đầu, cố xua đuổi tư tưởng u ám cứ ùn ùn kéo đến. Phải chi mình được chết không cần thuốc nhỉ? Ồ, như nhỏ Mỹ lớp Huy, ngủ một đêm rồi đi thẳng, không kịp trời ai, chết vậy cũng khỏe, êm đềm quá đi chứ? Nếu Huy được chết như vậy thì sao nhỉ? – Nhưng Huy không có dịp nghĩ ngợi nữa. Chi, cô bạn gái cùng xóm đã tới bên cửa sổ nhà Huy, cất giọng ngọt ngào:

– Anh Huy, đi chơi với Chi không?....

Bình thường Huy đâu có dễ xúc cảm với Chi, không hiểu sao đêm nay Huy thấy Chi thật đẹp, thật thu hút. Trông chi khả ái quá! Nhưng Huy ngán ngừ:

– Tội rồi mà Chi? Huy...

– Sợ mẹ không cho hả?... Biết ngay anh là cái thứ chưa dứt sữa mà!.... Gì cũng không dám! Đã vậy, Chi chẳng ép anh đâu!

Tự ái dồn dập, máu nóng bốc lên, Huy trả lời:

– Đi thì đi ! Ngán gì?....

Chi nhoẻn miệng cười, nắm tay Huy lôi đi (con nhỏ thật dạn). Bàn tay Chi lạnh như ướp nước đá làm Huy rùng mình. Cũng tội, từ nhà Chi lội bộ tới đây cũng khá xa, Chi nói nhỏ:

– Cứ theo Chi chơi rồi anh sẽ thấy vui không thể tả đó nhen!

Huy nôn nao vì mỗi lời của Chi đều có sức cảm dỗ cực mạnh. Anh ngoan ngoãn bước theo Chi như bê con theo mẹ. Chi đi vội vã như sợ ai bắt gặp sẽ ngăn họ lại vậy. Đi một quãng khá xa, Huy gặp một ông già mặt mày phương phi có hàm râu bạc rất đẹp. Ông bảo Huy: – Cháu là con nhà lành, chẳng nên tới chỗ này. Hãy quay về đi! Huy ngơ ngác, phân vân... thì Chi đã nhanh nhẩu kéo Huy chạy như bay và nói:

– Đừng nghe ông, cái ông già hủ lậu, cù lần! – Huy hơi khó chịu, dù không thích ai, chẳng bao giờ anh buông lời vô lễ với họ, nhất là đối với người lớn tuổi. Tiếng ông già còn vói theo:

– Về đi cháu, đừng vượt qua ranh giới ta trông coi, nguy hiểm lắm!

Nhưng Huy đã đi rất xa rồi, Huy cảm giác như mình đang trên con dốc và Chi cứ lôi tuột Huy xuống. Trời càng lúc càng lạnh, tối om; nhưng lạ là Huy có thể nhìn rõ mặt mọi người. Khi Chi dừng lại thì Huy nghe những tiếng cười man rợ khả ố nổi lên:

– Lính mới đây hả! – Cho nhập băng nào?... .

– Mày thanh mắt sáng, còn phúc đức nhiều... cho vô băng Dững cụt đi!

– Dững cụt không đủ bản lĩnh, cho hấn nhập băng Quý đại ca là hợp nhất!

Huy chóng mặt. Trong bóng tối anh vẫn nhìn rõ cái bọn hiện diện trước mắt. Mặt mày chúng hung dữ u ám như lũ cô hồn. Huy nghĩ thầm: - Đúng! Dùng từ cô hồn cho bọn này là đúng nhất!

Huy chợt lạnh người khi nhìn sang Chi. Chi đã biến đổi lạ lùng. Làn tóc mây óng ả bỗng thành rối bù, đôi mắt chuyển màu đỏ ngầu, tóe lửa. Chi cười the thé:

– Trời ơi, phải nhọc nhằn lắm mới dẫn được hấn tới đây đây, cái lão canh đất cứ cản mãi. Tưởng hư việc rồi! Giờ chúng ta bắt đầu đi!

Một giọng rên rỉ vang lên:

– Đói rã họng mà họ cúng đê trên bàn, lại đê ở trong nhà, cụt như tao leo lên không được đã đành, mà cái đám có đủ chân cũng đành ngó, đồ ai dám mò vào nhà họ!

Huy ngơ ngác nhìn gã tóc dài, gầy gơ xương. Chi giải thích:

– Dững cụt đó, đua xe bị gãy chân. Vô tới nhà thương thì chết! Người nhà đâu có biết cúng gì cho ăn, nó lang thang nhờ đồ cúng cô hồn của bá tánh... Huy nhìn Chi trân trối và chợt nhớ Chi chết cách đây hai tháng... Huy bảo Chi:

– Hóa ra Chi cũng vất vưởng lang thang? Huy tưởng Chi ngủ mà chết là yên ổn rồi chứ!

– Người bình thường cả đời làm thiện, có chết kiểu nào thì thiện nghiệp cũng dẫn họ siêu thăng. Còn Chi bình thường gieo toàn nhân không tốt,

lại giao du toàn tui bắt hảo thì phải đi theo cái bọn quỉ này thôi! Chi đang ngủ chúng dẫn Chi đi đấy, giống như Chi rủ anh đó!

Huy lạnh người:

– Chi... muốn bắt tôi chết theo à?

Chi cười phá lên:

– Đúng! Vì anh muốn thế. Chi bắt được tư tưởng của anh. Vả lại, chúng mình có duyên với nhau. Anh phúc đức nhiều, kéo anh nhập băng, bọn này đỡ khổ theo. Đấy, Huy nhìn cái bọn trước mặt bị xe tông mà chết đấy! Chẳng đủ phước làm người nên cứ làm quỉ đói lang thang vì không ai cúng cho ăn, chỉ nhờ vào mấy ngày cúng rằm và mỗi buổi cúng chiều của chùa!

– Đói quá!.... Đói quá!.... Lạnh quá!

Tiếng rên nghe rợn tóc gáy. Chi giải thích:

– Tui nó là bọn tui tử chết đó! Không biết bao giờ mới hết khổ. Tui tử tội nặng lắm, khổ hơn Chi cả trăm lần. Chúng phải làm quỉ lang thang đói lạnh, luôn bị cảm giác đau đớn lúc gần chết hành hạ, chúng cứ đợi ai chán đời là xúi tui tử để cho khổ có chum, có bạn...

Huy trách:

– Chi đã chết khổ, sao còn muốn tôi cũng chết khổ theo?

Chi cười sáng sặc:

– Này! Anh thấy có người khổ nào chịu thông cảm với kẻ sướng không? Đa số đều ganh, oán... muốn người ta khổ hết như mình! – Cái bọn oan hồn uổng tử bên trái anh đó – chết vì xe tông, rồi bọn chúng họp lại, đợi người lái xe, là xô... cho đụng nhau chết chơi!

Huy lắc đầu:

– Chi làm như dễ xô lắm vậy! Cõi nào có luật cõi đó chứ!

– Phải! Anh nói không sai! – Vì vậy mà bọn nó chỉ lựa kẻ tới số hoặc kẻ sống thất đức hay người đang lái xe mà uống rượu – thần trí bị hôn mê... rồi xô hoặc xúi họ lái bậy, là thành công liền.

– Vậy thì ác quá!

Chi cười to:

– Tụi này là quỷ thì đâu có hiền được? Người sống ở nhân gian còn có nhiều điều toại ý, có cơ hội để hiền lương mà còn không chịu hiền thì nói gì bọn quỷ lúc nào cũng sống khổ sở đói khát như tụi này? – Đã khổ thì phải oán hận nhiều...

– Tôi tưởng chết là sướng, hết đói, hết lạnh, hết khổ chứ?

– Bao giờ tâm thức ngưng hoạt động, họa may anh mới hết khổ! Còn cái thân mình dù nó có nằm nhắm mắt đấy, thì tâm thức vẫn đi rong... lung tung! Ngủ ta vẫn còn nằm mộng thì chết có khác hơn là bao? Có điều là khổ hơn thôi, vì gặp bất như ý nhiều! Còn hạng người hiền, tốt tính, tốt nét thì dù sống hay chết họ đâu có bị khổ như tụi này?....

– Vậy sao Chi không sống tốt hơn, nãy giờ nghe Chi nói tôi thấy Chi rất thông minh kia mà?

– Phải, nhưng làm xấu dễ hơn. Anh không thấy thiên hạ đều biết dôi gian, tham lam là xấu... nhưng rồi người ta vẫn thích dôi, vẫn bị tham cuốn hút... Tụi tôi là những kẻ thích sống theo bản năng mà. Chẳng nói đông dài nữa, anh hãy ở lại đây cho chúng tôi ké phước anh mà đỡ khổ...

– Không! Không! Tôi muốn về! Hãy để tôi về! Hãy để cho tôi về!

Bàn tay lũ quỷ vươn ra giữ chặt lấy Huy. Chúng cười ác độc:

– Đừng hòng về lại dương gian, người không biết đường trở về đâu!

Huy vùng vẫy, anh cảm thấy ngộp thở như bị vùi dưới vực sâu. Bầu không khí quanh anh nặng nề hắc ám đến kinh hoàng. Huy gào lên:

– Mẹ ơi! Mẹ ơi!.... Nam-mô cứu khổ cứu nạn Đại Bi Quán Thế Âm Bồ-tát!

Trong cơn hoảng loạn, Huy bật lên câu niệm Phật mà mẹ anh thường cầu nguyện, đột nhiên Huy nghe tiếng mõ, lòng anh cảm thấy phấn chấn và anh đủ sức mạnh vùng thoát khỏi bàn tay lũ quỷ, cứ nhắm hướng mõ mà chạy theo. Càng chạy, anh nghe tiếng mõ càng gần, Huy cảm thấy dễ thở dần, anh nghe rõ tiếng tụng kinh của mẹ, đầu óc bỗng sáng khoái thanh lương lạ kì. Oi, tiếng tụng kinh, những lời kinh ngày thường anh bực mình khinh rẻ, cho đó là trò lễ sấm mê tín, vô bổ, trong giây phút này bỗng hiển hiện uy lực lạ kì: “Sắc tức là không, không tức là sắc.... Xa lìa mộng tưởng đạt đến cứu cánh Niết-bàn...”. Thường ngày Huy chẳng hiểu gì lời kinh, nhưng giờ âm điệu tụng của mẹ với lời kinh làm Huy thấy lòng tràn ngập an lạc, Huy cảm thấy dường như mình đang bay bổng nhẹ nhàng, tâm thức như lắng đọng, ngừng lại mọi tư tưởng...

Huy mở mắt ra... mẹ đang cầm mõ đứng trên đầu giường Huy thành kính tụng niệm. – A! Anh Huy tỉnh rồi mẹ ơi! – Tiếng bé Hà reo lên mừng rỡ. Tất cả người thân của Huy hiện có mặt đầy đủ và đang xúm xít quanh giường Huy. Huy nghe toàn thân đau nhức rã rời. Mẹ ngừng tụng kinh. Bà nắm tay Huy, nước mắt rưng rưng:

– Con mê man suốt từ đêm qua tới giờ, mắt con đứng tròng, toàn thân cứng đờ... Mẹ nghĩ là con đã bỏ mẹ... đời người ai cũng một lần chết, nhưng tối qua con không được vui với mẹ, mẹ không muốn con ra đi với niệm cuối không lành. Mẹ muốn con nghe thời kinh này, mong tâm con bình lặng, sống an và chết cũng được an, dù ở bất cứ cõi nào...

Huy nhìn mẹ, nói nhỏ:

– Tiếng mõ của mẹ hay quá! Nhờ tiếng mõ mà con thoát khỏi mộng dữ. Thời kinh mẹ tụng thật tuyệt, lần đầu tiên con mới thấy và cảm nhận được đầy mẹ ạ... Con cảm ơn mẹ rất nhiều!....

– Con tỉnh lại là mẹ hạnh phúc lắm rồi! – Mẹ Huy âu yếm nói.

Bé Hà trao cho Huy ly sữa nóng, vui vẻ bảo: – Uống đi anh. Khỏe rồi kể em nghe anh thấy gì mà mê man suốt một ngày một đêm, cả nhà cạo gió cứu đủ cách mà anh cũng không thức dậy...

Huy vẫn còn ngạc nhiên, băn khoăn. Tại sao những lời kinh bình thường anh chẳng để ý tới, cho rằng quá nhạt nhẽo, vô duyên. Vậy mà trong lúc hôn mê – nửa sống nửa chết – anh lại nhận được sự an lạc diệu kỳ của thời kinh ban bố cho? Niềm an lạc nhẹ nhàng, thanh bai khó tả, không giống như niềm vui nào ở thế gian. Bình thường Huy mê nghe nhạc, nhưng trong lúc anh thống khổ, thì tiếng nhạc dù du dương mấy cũng là văt đi. Ôi, cảm tạ lời kinh, cảm tạ “người” đã sáng tác ra lời kinh. Nếu như Huy chết đi, Huy chỉ muốn nghe những lời kinh đó, chẳng cần cầu siêu độ cho Huy, Vì âm ba lời kinh đã chở theo sự an lạc, giúp huy ngưng đọng mọi tư tưởng; chìm trong niềm bình an tuyệt vời! Tại sao lúc thức, tỉnh táo Huy không cảm nhận được điều này? Có lẽ trong phút giây đối diện cái chết – dù là chết nháp – Huy mới khám phá ra... Gì nhỉ: “Xa hẳn điên đảo mộng tưởng, đạt đến cứu cánh Niết-bàn...” Phải, phải! Thật hay! Vậy thì Niết-bàn không xa lắm... (ngày mai phải xin mẹ đi viếng chùa mới được)... chẳng biết có ai từng mộng寐 giống Huy không?...

*(Đã đăng báo G-N 60 ra ngày 21/3/2000
qua bút danh H.T.H)*

TÔI LÀM THẦY LANG

Khi nghe tin chị Thủy bắt tôi phải ra Tuệ Tĩnh Đường Linh Chiếu học môn Trục Dục Kinh với cô Diệu Thủ để trị bệnh cho người. Tôi đã trù mền khóc hết một ngày.

Hồi ấy tôi 29 tuổi (thiếu một năm nữa là toan về già). Lâu nay tôi quen ở trong tháp ngà, chẳng tiếp xúc ai (dù cái tháp ngà của tôi đẹp hơn chuông bò một chút, trộm có lần vào viếng cũng không tìm ra thứ gì để lấy, vì là

am tranh chị Thủy dựng tạm đẽ cho tôi nhập thất tu – ngoài cái sàng thien, vài bộ quần áo với ít gạo trong hũ ra, chẳng có gì đáng giá).

Má tôi mắt hồi tôi lên bốn, chị Thủy lớn hơn tôi gần chục tuổi, một tay chị săn sóc nuôi dạy tôi từ nhỏ nên xem như “quyền tỳ thế mẫu”, chị vừa là chị, vừa là mẹ; do vậy mà tôi không dám cãi lời, nhưng trước khi đi, tôi lo lắng thăm dò, ngầm điều tra những người quen, hỏi nhỏ: – Cô Diệu Thủ là người thế nào?

Họ đáp: – Nghiêm và khó lắm.

Thế là tôi lui vào cốc, trùm mền khóc thêm một chập nữa. Sau đó tôi mới quẹt nước mắt, khăn gói quả mướp ra Tuệ Tĩnh Đường Linh Chiếu học nghề.

Cô Diệu Thủ tuổi khoảng ngũ tuần, nét mặt nghiêm nghị và có làn da đẹp như hoa đào. Cô thân đệ tử rất kén, nhưng do nể nang chị Thủy nên thân nhận tôi. Thật oái ăm, nhiều người năn nỉ học, cô không chịu dạy; lại thu nạp tôi (là đồ đệ bất đắc dĩ bị ép học)... Cô không biết điều này, nếu biết chắc cô từ chối phắt rồi (?) Dù bị ép, trong lúc thọ giáo tôi vẫn rảng tỏ ra mình là trò ngoan, nhiệt tình.

Trực Dược Kinh là môn trị liệu bấm huyệt điện, (thay vì dùng nhân điện). Y sĩ sẽ cầm hai cây que kim loại (gọi là rắc) giống như đôi đũa, đầu que quấn bông gòn, chấm thuốc, chĩa vào huyệt; chuôi que cắm vào máy điện. Que sẽ chuyển điện và phóng thẳng thuốc vào người bệnh nhân. Môn Trực Dược tỏ ra có ưu thế và đạt hiệu quả nhanh đối với các bệnh cảm sốt, nhức mỏi, mất ngủ, suy nhược... đó là nhận định sơ khởi của tôi.

Tất nhiên ngày đầu, tôi chỉ quan sát thầy, bạn hành nghề và giữ việc kiểm soát phiếu bệnh nhân vào chữa bệnh.

Cô Thủ đang ngồi chăm chú trị, thấy có người lấp ló ngoài cửa, liền hỏi tôi:

– Sao người đó chưa vô đây?

Tôi áp úng:

– Dạ thưa cô! Tại họ chưa... tới số!

Cô Thủ điềm nhiên tiếp tục công việc, còn tôi thì bất tức cười với câu đáp của mình. Mà rõ ràng họ chưa tới ... số thiệt, số thứ tự họ còn khá xa, nhưng do nôn nóng nên họ cứ chen vào đứng trước cửa phòng khám.

Trị những bệnh, xụi, bại liệt tay, chân... cường độ dòng điện bắt buộc phải tăng mạnh để kích thích các cơ bắp hoạt động; có vậy mới đạt kết quả tốt. Tất nhiên là bệnh nhân sẽ phải đau đớn nhiều, nhưng không thể đi độ nhẹ cho họ. Cường độ dòng điện được tượng trưng bằng giờ, 9 giờ là thấp nhất thường dùng để trị những vùng bệnh thuộc mắt và cổ. Còn huyết trên đỉnh đầu – nếu ai chịu được độ mạnh cỡ 12 giờ, chứng nhức đầu sẽ hạ rất nhanh. Từ 1 đến 3 giờ, là dòng điện mạnh nhất, dành để trị những chứng liệt, bại và các bệnh cực nặng.

Một bà bị xụi, liệt hai tay và một bên chân bước vào, đi kèm theo dìu đỡ là đứa cháu trai (tóc bù xù như tổ quạ). Bà được đích thân cô Thủ chữa. Đứa cháu trai khoảng 16-17 tuổi, có bề ngoài nhìn rất du côn, nhưng cả phòng bệnh đều xúc động vì tấm lòng hiếu thảo của em. Em luôn động viên, dỗ dành bà ngoại với những lời năn nỉ tha thiết, ngọt ngào:

– Ngoại! Ngoại ráng chịu đau đi ngoại. Ráng cho mau hết bệnh nha...

– Mặt em đầy lo lắng, yêu thương, sự quan tâm lo cho bà, thể hiện hết ra mặt; khiến quanh phòng ai cũng cảm mến em. Lúc này bà ngoại tuổi sáu mươi trông giống hệt một đứa con nít nhõng nhẽo khó bảo, bà vùng vẩy, xô cả thầy thuốc và quát lên:

– Kệ tao! Mặc xác tao!

Người thân phải phụ kèm bà lại. Cảm thấy que kích huyết làm mình đau quá, bà gào lên, tuôn ra một tràng cầu cứu hùng hồn: “Nam mô cứu khổ cứu nạn Quan-thế-âm bồ tát, nam mô Bổn sư Phật, nam mô A-di-đà

Phật... nam mô... tùm lum Phật! Nam mô... hết thầy Phật! (Bà sáng tác lời niệm thật chắc ăn, không sót vị Phật nào).

Chúng tôi đều bật cười, cô Thủ tắt máy. Thấy bà vẫn còn hét inh ỏi: – Đau quá! Đau quá! ... Cô nghiêm mặt bảo:

– Tôi đã tắt máy, ngưng trị mà bà còn la đau cái nỗi gì?

Bà có vẻ tên tò:

– Vậy hả? Sao tắt máy mà không cho tôi hay, để tôi ngưng la?

– Giờ bà có muốn trị bệnh tiếp không?

– Trị! Nhưng mà khỏi trị cái tay, trị cái chân thôi!

– Nếu không trị, tay sẽ bị liệt luôn, làm sao bà múc cơm ăn?

– Có cháu tôi đút tôi ăn được rồi...

Cuối cùng, bà cụ ra về, vừa đi vừa càu nhàu, vừa vung văng giấy nẩy như con nít, còn cháu trai bà thì mềm mỏng dỗ dành như bậc trưởng bối. Chúng tôi nhìn theo không nhìn được cười. Ai cũng tấm tắc khen thầm bà hữu phước, được đưa cháu trai chí tình chí nghĩa săn sóc... (phải nói là hiếm thấy và hiếm có ở vào thời đại này). Nhân cách cậu bé thật dễ thương, hoàn toàn tương phản với bề ngoài bụi đời của em. Tôi nghĩ có lẽ bình thường bình nhân là một bà ngoại rất tốt với cháu, nên mới nhận được sự quan tâm, lo lắng chu đáo đến vậy.

Sau một tuần vẽ hình, học huyệt, tôi cũng được hành nghề. Bệnh nhân thường chọn tôi, vì tôi hay đi độ nhẹ. Họ không biết trị độ nhẹ thì lâu hết bệnh. Nhưng nếu họ đau và rên la thì tôi cũng chịu không nổi. Những người mới đến không biết rằng được “bà thầy” trị là mau lành hơn, vốn dày dặn kinh nghiệm, hiểu thấu “thuốc đắng dã tật, đòn đau mau hết”, nên cô Thủ bình tĩnh để mặc bệnh nhân la, đa số những bệnh hiểm, trầm trọng đều do cô trị và đạt kết quả rất khả quan.

Cô Thủ được Tuệ Tĩnh đường thỉnh về đây truyền nghề cho chúng tôi trong ba tháng; mãn hạn kỳ, cô sẽ về lại thành phố. Thầy lang trong Tuệ Tĩnh đường chỉ mình cô là có tóc. Mà Tuệ Tĩnh Đường Linh Chiếu là Viện Chẩn Bệnh Từ Thiện do chư Sư thành lập. Bệnh nhân đã quen nhìn các sư nên rất ưng ý khi được sư trị cho, vì vậy mà các đệ tử có tóc (thâm niên, giỏi tay nghề của cô Thủ ở Sài Gòn) mỗi lần ra đây thăm có nhiệt tình muốn phụ chúng tôi chẩn trị thường hay gặp cảnh bị bệnh nhân né tránh, bởi họ không biết đó là thầy hay, mà cứ chọn hạng thầy dở... cỡ tôi. Việc trị bệnh, phát thuốc hoàn toàn miễn phí. Theo luật định, chúng tôi không có quyền nhận bất cứ quà bánh, biếu xén nào từ bệnh nhân.

Ngày nọ, bệnh nhân đông quá, lịch trị bệnh chỉ làm việc buổi sáng, không đành để bệnh nhân ra về nên chúng tôi phải ráng trị nốt cho xong. Lúc này trong phòng chẩn trị chỉ còn tôi và Linh Trang. Trị xong người bệnh cuối cùng thì đã quá trưa. Tôi và Linh Trang đều đói run. Tôi đói tới nỗi cầm gì cũng muốn rót. Vừa may, lúc ấy bé Na là bệnh nhân ở gần chùa, em đến thăm và tặng cho hai đĩa bịch chuối khô. Tôi và Linh Trang chụp ăn ngẫu nhiên. Loáng một cái, mỗi đĩa đã xơi 5-6 trái.

Kết quả là chúng tôi ôm bụng thở ỳ ạch, tưởng mình sắp chết đến nơi. Do chuối già bản chất khó tiêu, chúng tôi bụng đang đói, lại ăn quá nhiều thành ra trúng thực. Hai đĩa vội bày đồ nghề ra trị bệnh cho nhau, lo tìm mấy huyết Thượng, Trung, Hạ Quân ... châm vào cứu nguy.

Cô Thủ thường nhắc nhở, dù chúng tôi cầm que trị cho bệnh nhân, song nội lực vẫn truyền qua họ, vì vậy sức khỏe chúng tôi sẽ giảm sút rất nhiều, nên sau khi trị bệnh nhân xong, bắt buộc chúng tôi phải thường xuyên trị lại cho nhau – gọi vui là “sạc điện” khôi phục nội lực.

Lần này, không nhờ “sạc điện” thì chúng tôi đã ngã lăn quay vì trúng thực chuối.

Có một bà đau lưng trầm trọng tới xin chữa trị, tôi thương tình cầm rắc lên trị. Bà có đỡ đau nhức, nhưng tôi lại bị bệnh y hết bà. Sau đó, nghe người nhà kể tôi mới biết, bà chuyên ngồi sòng bạc, mấy ngày nay bà ngồi đánh bài thâu đêm suốt sáng.

Hành nghề được hai tháng, tôi khám phá ra một điều lạ. Có những bệnh nhân tôi trị cho họ không sao. Nhưng có một số bệnh nhân, tôi trị họ vừa hết là lập tức tôi đau y như họ. Hoặc giả tôi đang trị người nhức tay, họ vừa reo:- “Khỏe quá cô ơi”, thì tôi cảm nhận tay mình nhức nhối liền. Họ bị khó thở, tôi trị họ vừa hết thì tôi có cảm giác khó thở ngay. Thật lạ lùng – Đến độ họ bệnh gì, chưa khai, vừa châm tôi đã biết, vì tôi cảm nhận cái đau họ chuyển sang mình y chang. Gặp hoài những trường hợp như vậy, quá thắc mắc, một hôm tôi vừa trị, vừa phỏng vấn một bệnh nhân đau xóc hông:

– Em làm nghề gì? – Dạ cào tôm!

Một người có bàn tay sung về khai báo: – Hồi xưa con buôn thuốc phiện... (bệnh nhân này hiện thời nhà ở lầu năm, lầu tư, nhưng hai tay bà luôn bị đau nhức thống thiết).

Một người nhức đầu kinh niên khai:

– Do con bán cá, nên phải làm, chuyên đập đầu cá!

Những vị này vừa bước vào ngôi đối diện là lập tức tôi cảm nhận có một luồng khí rất nặng từ họ tỏa ra, nếu tôi cố cầm rắc trị là y như tôi bị quả báo dội ngược liền: Hết họ hết, tôi bệnh. Họ thuyên giảm, tôi đau. Tôi hỏi: – Có phải chị từng bị đau như thế này không?... rồi tôi diễn tả bệnh trạng, họ thán phục nói: – “Sao cô biết hay vậy?”... Họ đâu biết là tôi đang cảm nhận cơn đau hết như họ đang truyền qua mình. Trường hợp này tôi gặp rất nhiều, chỉ những ai bước vào tôi không cảm thấy có làn khí nặng nề, thì tôi hành nghề bình an (nhưng trường hợp này rất ít).

Tôi đem chuyện này hỏi “bà thầy”, thì bà đáp mình chưa gặp như vậy bao giờ. Còn tôi hiểu được một điều, những bệnh nhân ngôi trước tôi đã và đang tạo ác nghiệp, nếu họ không đình chỉ, không sám hối lỗi trước nguyên chừa lỗi sau thì bệnh khó hết, có ráng trị cũng như trị ngoài da, không ăn nhằm gì, bởi không ngăn được nguyên nhân phát bệnh.

Người từng buôn thuốc phiện ắt phải trả quả nặng nề hơn nhiều, dù hiện thời tay họ chỉ bị đau nhức... thì cũng là trả báo nhẹ. Còn chuyện đập đầu cá bị nhức đầu kinh niên thì dễ hiểu thôi.

Trong Kinh nhân quả thường đề cập đến hoại... Nếu lý luận là vẫn có nhiều người làm vậy mà đâu có bị gì?... thì Kinh Phật cũng từng giải thích, có phước thì được cảnh báo ngay hiện tiền và những cảnh báo này sẽ ngăn bớt việc sa lầy tạo ác của đương sự. Cũng đồng thời có người giết rắn ăn mà không sao, nhưng có người thì vương trọng bệnh phải nằm liệt giường, da hóa như da rắn, ngày đêm đau đớn không kể xiết. Và khi họ khởi tâm thành ăn năn sám hối, phát nguyện trọn đời làm lành, trường trai, ... thì bệnh giảm dần và khởi hẳn. Chúng tỏ rằng những cảnh báo hiện tiền giúp ích rất nhiều cho những người có ý thức, giác tỉnh cao.

Đành là cũng có những bệnh vật lý, do thời tiết hay sức khỏe suy nhược. Song đa số các bệnh nhân hiện diện trước tôi lại âm thầm chứng minh nhân quả trở rất khít khao. Nhưng... làm sao tôi khuyên họ đổi nghề, làm sao tôi khuyên họ trị tâm trước khi trị thân?

Không ai gặp trường hợp như tôi. Nhưng mười năm sau, tôi gặp lại bà thầy. Hỏi thăm mới biết cô Thủ đã giải nghệ vì lý do giống hệt tôi, trị người ta xong, cô bị đau hệt như họ. Thật ngộ, hóa ra tôi cảm nhận sớm hơn hết.

Giáo lý Phật dạy về nhân quả rất tỉ mỉ, kỹ càng; nhưng ít ai lưu tâm tin theo để cẩn trọng tránh vi phạm. Người ta vì sinh kế, vì tiền, vì không biết, mà làm những nghề thuộc tà nghiệp, hoặc có chọn chánh nghiệp nhưng lại phạm lỗi âm thầm.

Ôi Thế Tôn, giá như giáo lý ngài thấm vào tim óc mọi người, giá như ai cũng hiểu Phật pháp, tự biết bảo vệ, tránh gieo nhân xấu cho mình thì sẽ đỡ được rất nhiều những bệnh về thân lẫn tâm

TRÊN ĐỈNH THÁI SƠN

Tôi có hai má: Má trước và má sau. Cả hai bà tôi đều thương như nhau.

Má trước (má ruột tôi) mất lúc tôi còn quá nhỏ đủ để không nhớ được gì hết ngoại trừ lúc má tôi nằm trên giường bệnh. Lúc nào tôi cũng đeo dính bên cạnh bà, đó là thời gian hạnh phúc nhất của tôi.

Má tôi đau nặng lắm. Bà biết mình sắp mất nên cứ gặng hỏi tôi:

– Má chết rồi con ở với ai?

Tôi thương chị Ba nên đáp liền:

– Con ở với chị Ba!

– Chị Ba không thương con thì sao?

Tôi lòi hết tên anh chị trong nhà để đề cử ở với tôi, má tôi cứ một mực:

– Không thương con thì sao?

Bí quá tôi nói:

– Vậy con ở với má!

Giọng má tôi ghen ngào:

– Nhưng lúc ấy má chết rồi?

Tôi ôm chầm lấy má tôi:

– Thôi! Má đừng chết! Đừng chết!....

Tôi ngạc nhiên thấy má tôi không nói gì, nước mắt ràn rụa. Lúc ấy tôi nghĩ không bao giờ má tôi chết, má chỉ hỏi cho vui và tôi trả lời má cho vui, vậy thôi.

Rồi má tôi mất, năm ấy tôi tròn bốn tuổi và chẳng nhớ được gì nhiều. Tôi chỉ nhớ rằng sau đó ba tôi đi coi mắt má sau. Ba tôi dẫn hết năm đứa

con nheo nhóc đến trình diện vợ mới. Lần đầu đến nhà kế mẫu tương lai lòng tôi buồn rười rượi. Thấy tôi than nhớ nhà, ba tôi ngạc nhiên hỏi:

– Anh chị tất cả đều ở đây, con nhớ cái gì? Không lẽ con nhớ... con chó Vện ở nhà?

– Không! Con nhớ tấm hình má ở trên bàn thờ!

Thật tình tôi nhớ má tôi quá. Bởi sau khi má tôi mất tôi thường quanh quẩn nơi tử thờ, đó là chỗ đứng lý tưởng nhất của tôi. Chỉ cần đứng trước tử nơi có tấm hình má tôi là tôi có cảm giác ấm áp hạnh phúc lạ lùng, như thể má tôi đang còn bên cạnh. Bây giờ nhớ lại cảm giác ấy tôi cứ thắc mắc thâm, không hiểu sao chỉ có tấm hình trên bàn thờ của má tôi lại có thể cho tôi tình thương và hơi ấm suốt thời gian dài bà vắng bóng. Lúc đứng trước tử thờ tôi hoàn toàn không khổ vì ý niệm mất mẹ, chỉ khi rời căn nhà có hình má tôi, tôi lại nhớ bà da diết.

Rồi má sau tôi được rước về, xóm giềng sang nói vào ra. Họ bảo tôi:

– Khổ tới rồi đó con! Mây có má ghẻ!

Tôi phản đối liền:

– Không! Má nuôi tôi đó, không phải má ghẻ đâu!

Trong óc tôi chữ “ghẻ” tượng hình ghê lắm nên tôi không thích. Tôi luôn đính chính mỗi khi người ta nói tôi có má ghẻ. Tôi tức mình, thâm thắc mắc tại sao không ai chịu gọi là “Má nuôi” mà cứ khẳng định “Má ghẻ”? Chữ “ghẻ” nghe không hay chút nào! Hay... má tôi có ghẻ?

Má sau tôi rất hiền, đúng như lời ca ngợi của ba tôi vào lúc bà mất: “Má sau con là người hiền nhất trong những người đàn bà”. Ba tôi nhận xét không quá lời, tôi đồng ý với lời bình phẩm của ông. Má sau tôi chẳng bao giờ tranh cãi với ai, lúc nào bà cũng hay nhường nhịn và chịu nhận phần thiệt về mình.

Về làm kế mẫu chúng tôi, bà phải cực nhọc nhiều vì năm đứa con chồng còn quá nhỏ. Gánh nặng má trước để lại giờ làm oằn vai má sau. Phụ nữ nào yếu tim gan chắc chẳng dám liều. Duyên tình má sau tôi cũng là chấp nôi. Chồng trước đi tập kết rồi mất. Và thật buồn cười, chính mẹ chồng lại gả nàng dâu! Mẹ chồng má sau vui lòng xem ba tôi như con. Như vậy chúng tôi có thêm bà nội để gọi. Từ một kiếp mồ côi thiếu nội ngoại tự dung có bà nội để kêu, tôi khoái lắm! – Nhất là “Bà nội ghẻ” cũng hiền và có nhiều bánh kẹo! – Bà nội bán thuốc bắc kiêm cả mút bánh, cà na và me ngào. Tôi mê các thứ bà bán và có lẽ tôi thương bà nội lẫn những bánh quà bà cho. Có điều không biết bên nào nhiều hơn.

Tôi chưa hiểu hết tình mẹ ruột cũng như chưa từng nếm mùi đắng cay nào từ mẹ kế. Vào năm lên tám, kế mẫu làm bánh đúc cho tôi ăn. Tôi cầm bánh lên ngắm nghía và nói:

– Má à, để bữa nào con nhét cái xương vô bánh đúc vì người ta bảo: “Mấy đời bánh đúc có xương, mấy đời mẹ ghẻ mà thương con chồng”... nhưng mà má thương tụi con!

Kế mẫu nhìn tôi cười cảm động, mắt bà rung rung.

Lớn lên bôn ba đây đó chứng kiến nhiều, tôi lại có dịp hiểu thêm về tình mẹ.

Khi đưa nhỏ cháu vào nhà hộ sinh, nhìn vẻ mặt cháu hằn lên nỗi đau vô tận trước phút sinh con. Tất cả cơ bắp nhăn đờ đờ về khuôn mặt, tôi hiểu vì sao người phụ nữ yếu và mau già. Lúc đứa trẻ chào đời rồi, người mẹ như quên hết đau đớn khi thấy con mình lành lặn, mạnh khỏe.

Chị bạn tôi sống ở nước ngoài, đã có một cháu mà vẫn khao khát con. Chị cùng chồng làm đủ việc thiện, đi công quả hết chùa này sang chùa khác với hi vọng được sanh thêm đứa nữa. Mười lăm năm sau chị mang thai. Bên Tây phương cho rằng sinh mổ an toàn hơn sinh tự nhiên. Bác sĩ gây mê vùng cần mổ xong, rạch một đường nhỏ nơi bụng rồi xé thịt rộng ra để lấy đứa bé (tránh rạch bằng dao nhiều cho khỏi làm đứt các mạch máu). Chị được theo dõi các sự việc qua vô tuyến. Lúc đứa bé

chào đời thì chị đã thiếp đi, khi tỉnh lại nghe đứa trẻ sơ sinh khóc ở phòng bên chị nóng ruột lê từng bước định sang bông con. Cô y tá thấy, ngăn lại, tỏ ý sẽ bông trẻ qua giúp chị. Cô hỏi:

Bên ấy nhiều trẻ lắm, biết cháu nào là con chị?

– Đứa đang khóc ấy! – Chị nói chắc chắn.

Cô y tá bế đứa trẻ qua thì đúng là con chị. Cô ta phải phục chị chưa nhìn rõ mặt con mà đã nhận ra được qua tiếng khóc. Linh cảm của người mẹ thật tuyệt vời và công sinh một đứa bé quả khó nói hết bằng lời – Sức chịu đựng và lòng hi sinh, chỉ có người mẹ mới chịu đựng nổi.

Có lần về nhà gặp nhỏ em họ, tôi ngạc nhiên khi thấy nó gầy tọp đi, xanh xao phờ phạc. Hỏi thăm thì nó cười, nói:

– Tại cháu bé của em khó tính, khó nuôi quá! Ba tháng đầu nó khóc dạ đề làm cả nhà đều thức theo. Giờ cháu biết đi vẫn chưa hết cực. Lúc cháu ngủ em tranh thủ làm việc, đến khi em ngủ thì cháu thức, quậy phá suốt đêm. Hễ trái gió trở trời thì ầm đầu phát ban, khiến em và ông xã lo sốt vó.

Tôi cười bảo:

– Đem cho quách đi là hết cực ngay!

– Đâu được! “Vàng ngọc” của người ta mà xúi dại không hà!

Vâng! Ai cũng có một thời là “vàng ngọc” của ba mẹ mình. Bởi nếu không phải vậy thì đã được... liệng ngoài đường hay “cho quách đi cho đỡ cực”...? Nhưng lớn lên, những “cực vàng” ấy không thể nhớ rằng thuở bé mình đã hành mẹ ra sao. Tôi cũng vậy, tôi không biết thuở bé mình đã “đày đọa” mẹ như thế nào? Chỉ biết mẹ tôi lìa trần không cam tâm vì con còn nhỏ quá. Ba tôi kể trước phút lâm chung, mẹ đã hăm ba: “Ông mà cưới vợ bé ở ác với con tôi, tôi sẽ về dẫn chúng đi theo tôi hết”! Ba tôi nghe mà nổi ốc. May là kế mẫu tôi rất hiền, người sống giống như mẹ tôi: Suốt đời chỉ biết hi sinh cho chồng con. Tôi chưa thấy

bà mưu toan làm gì để thụ hưởng cho riêng mình. Có lẽ ở tuổi vàng má trước sẽ vô cùng cảm ơn má sau vì tấm lòng nhân hậu chịu vất vả chia gánh nặng cùng bà.

Có một lần má sau tâm sự với tôi:

– Hồi ba mày đi coi mắt tao, xe đạp của ông thì băng vá lung tung. Mới đầu ông chỉ dẫn một đũa tới trình diện. Sau đó thì kéo róc hết năm đũa tới, tao ớn quá. Cũng có hai đám khác định “bỏ trâu” cho tao, ông thì không con, ông thì một đũa... Thấy tụi bây đũa nào cũng nhem nhuốc nhưng dễ thương, tao thấy tội rồi tự dung tao ung ba mày!

Vậy đó! Má sau đã “tội” chúng tôi bằng cả cuộc đời bà – chịu nhọc nhằn vì chúng tôi.

Còn ba tôi, nếu không có chúng tôi có lẽ số tiền nuôi con ấy ba tôi có thể tậu được mấy căn phố lầu hoặc sống nhàn nhã cả đời. Khi chị Hai tôi thẹn vì quần áo không bằng chúng bạn đòi nghỉ học, ba tôi bảo:

– Ba thấy mặc xà lòn mà được đi học ba cũng vui, nhưng ngày nhỏ ba có được đi học như mơ ước đâu? Ba không muốn con thất học, ba không muốn ngày sau các con khổ như ba!

Rồi ba tôi tiếp tục làm ngày làm đêm để nuôi chúng tôi: Đi sớm về khuya, đi mưa về gió.

Nhiều lúc tư tưởng chống trái, tôi hoài nghi cho rằng ba không thương tôi. Tôi đã quên mình không hề bị liệng ra đường hoặc đem cho, quên rằng hạt cơm manh áo từng ngày qua còn đầm mồ hôi và nước mắt nhọc nhằn của ba. Quên rằng ba đã cho tôi nền giáo dục tốt đẹp bằng sự dạy dỗ và tấm gương sống của chính ông.

Nói về công ơn cha mẹ, sẽ không làm sao nói hết được, cũng như sự vô tình của tôi cũng không bút mực nào tả cho xuể.

Nhiều lúc ba tôi buồn đi đây đi đó cho khuây khỏa, rồi lúc ông về chúng tôi thật hạnh phúc khi nghe ông nói:

– Ở với ai cũng không bằng ở với con! Ở với con là thượng hạng!

Xin cảm ơn ba đã cho một lời xóa bớt tội vô tình của con. Chị Ba tôi thường nhắc:

– Cứ xử tệ với ông đi rồi ngày sau nhìn chiếc giường trống đừng có khóc! Còn một chút cha mà không biết thương! Đừng quên rằng người già chỉ có cậy nhờ con. “Dầu cho cha đối với con thế nào thì vẫn có ơn sâu tạo cho con nên vóc nên hình, vẫn có ân đem thân dải dầu mưa nắng, nhọc nhằn nuôi con”.

Hi vọng rằng cuộc sống sẽ bớt đi những người con vô tình vô ý (như tôi chẳng hạn) để còn có những dòng nước mắt chảy ngược khiến cho các bậc sinh thành cảm thấy ấm lòng lúc tuổi già.

(Đã đăng báo G-N 176 ra ngày 14/8/1999 qua bút danh H.T.H)

VỌNG KIẾN

Nga rẽ vào con đường tráng nhựa phẳng phiu rồi dừng lại trước một biệt thự sang trọng. Bích cảm thấy hơi lúng túng vì lần đầu nàng đến một nơi mà mình chưa biết rõ, chỉ nghe Nga, nhỏ bạn chí thân rủ rê, năn nì mà Bích xiêu lòng chịu theo Nga ra Nha Trang.

Nga bấm chuông đến ba lần, khung cửa kính màu sậm trong buổi chiều hoàng hôn càng khiến Bích không nhìn thấu được trong nhà. Tiếng người mở cửa vang lên:

– Xin lỗi hỉ, bạn tay nên ra trể!

Nga nói nhỏ với Bích: -O Ngo, người giúp việc cho dì mình!

Bích khẽ chào o Ngo rồi theo Nga vào trong. Nhà dì Mai khá đông khách đến chơi, thường trú thì chỉ có vợ chồng anh Hải (con nuôi dì

Mai), cũng là anh ruột Nga. Dì Mai góa bụa sớm và lại không con nên dồn hết tình thương cho hai anh em Nga. Thấy Bích vừa qua trận sốt nặng chưa lại sức, Nga nhất quyết kéo Bích ra nhà dì Mai chơi và đảm bảo rằng nơi đây là chỗ nghỉ mát rất lý tưởng.

Dì Mai đón tiếp bọn Bích nồng hậu, đầy vẻ thân tình. Dì đãi món bánh cuốn tuyệt ngon. Chị bếp nhà dì nổi tiếng là khéo nấu, chị tròn quay như cái hột mít. Điều khiến Bích chột dạ là o Ngo cứ nhìn Bích chòng chọc, đầy vẻ soi mói và cứ nhắm ngay Bích mà đặt câu tra vấn liên hồi. Đang mệt, Bích cảm thấy khó chịu nên thường giả lảng làm lơ, vờ như không nghe để bớt trả lời câu hỏi của o Ngo.

Dì Mai dành cho Bích một phòng nhỏ ở lầu ba, có lan can hướng ra hoa viên. Trên lầu cao, gió ùa vào cửa sổ lồng lộng, thoang thoang mùi hương nguyệt quế, hoa lài, hoa sứ thơm đến dễ chịu.

Nga nhéo vào tay Bích hỏi nhỏ: – “Có vừa ý không?”... Bích chỉ mỉm cười.

Buổi sáng xuống phòng ăn điểm tâm. Chỉ có Nga và Bích, o Ngo đang lúi húi dọn quét, chị bếp bận đi chợ, dì Mai và vợ chồng anh Hải đều đi ăn cưới. Có tiếng chuông reo ngoài cổng, hình như có khách đến tìm Nga, Nga chạy vội ra, để phần ăn nằm dang dở trên bàn. Món điểm tâm gồm bánh mì trứng ốp-la, tráng miệng chuối già. Bích càng ác cảm hơn khi thấy o Ngo chụp vội trái chuối đang ăn dở của Nga, bẻ lấy một miếng nhét nhanh vào miệng rồi quỳnh quáng xé bớt phần bánh của Nga nuốt vội vàng. Nếu Nga vào, không để ý thì sẽ chẳng khám phá ra khẩu phần của mình đã voi đi. Bích cúi mặt ăn, vờ như không thấy nhưng lòng thầm khinh rẻ bà giúp việc: “Thật là mất tư cách”...

Từ ấy Bích càng ít nói, thưa trò chuyện với o.

Ngo hơn. Còn o Ngo cứ xoắn lấy Bích mà hỏi liên hồi:

– Nì, cô khoẻ chưa hỉ? Quê ở mô? Ra đây chơi được bao lâu?

Âm thanh o Ngo trợ trợ thật khó nghe. Mười chữ Bích chỉ nghe được một. Ngày nhỏ Bích từng khổ vì những người mang âm thanh này nên giờ dù đã lớn nàng vẫn chưa hết thành kiến trong đầu. Huống chi o Ngo hiện diện trước Bích đây về “hạ cấp”, mắt thì ti hí lấm lét như kẻ gian, hành động lại chẳng minh chánh. Trong khi dì Mai cũng nói giọng miền ngoài, âm điệu Huế hẫ hoi, nhưng ở dì toát ra vẻ quý phái trang nhã.

Xưa nay bạn bè đều nể Bích ở năng khiếu nhìn người. Bích mà nhận xét ai thì ít sai lầm, đến độ mấy nhỏ bạn còn nói đùa: “Khi nào kén chồng sẽ nhờ Bích coi người hộ để khỏi khổ vì bển đục...”.

Buổi tối của ngày thứ hai, cả nhà mới thực sự sum họp đầy đủ ở phòng ăn. Bích nhận ra một điều, dù được chung mâm với chủ, nhưng chị bếp và o Ngo chỉ chạm đĩa vào thức ăn cũ hoặc thừa. Dì Mai vẫn vui vẻ trò chuyện với cả nhà, o Ngo thỉnh thoảng cười sằng sặc rất hồn nhiên, còn Bích có chút bối rối thoáng qua...

Những ngày sau đó, Bích theo Nga đi thăm các thắng cảnh ở Nha Trang. Biển Nha Trang thật đẹp, nước xanh, trong vắt. Nga bảo Bích: Thấy cát ở đây lạ không? Trắng chứ không vàng, dù đang trưa mà chẳng nóng bỏng như cát ở Vũng Tàu. Bích gật gù, vùi chân vào mớ cát trắng, độ nóng dịu khiến Bích ngạc nhiên. Dân Nha Trang cũng hiền hòa hiếu khách như phong cảnh hữu tình xứ họ. Bãi biển đông người tắm, vẫn mang nét mộc mạc đáng yêu, vì người ta có thể mặc nguyên đồ để tắm mà không sợ ai cười. Dọc bãi biển có những hàng dứa cao rợp bóng, các băng ghế được đặt rải rác, khách không thích tắm thì có thể đi thơ thẩn dưới hàng dứa lộng gió, hoặc ngồi nghỉ chân trên các băng ghế ngắm cảnh tha hồ.

Chơi chán chê, hai đứa mới về nhà. Bao giờ cũng vậy, o Ngo luôn đón bọn Bích bằng các loại nước giải nhiệt. Khi thì rau má, lúc là artichaut hoặc cà chua xay hay các thức uống sinh tố đủ loại. Nga đâm vào vai Bích: – O Ngo kết mi rồi nhé! Mấy lần trước ta cũng ra đây có được quan tâm chu đáo thế đâu?

Bích cười: – Chứ không phải dì Mai thương cháu nên ta được hưởng lộc ké? Không có lệnh của dì thì đồ o Ngo dám làm!

Nga cười to: – Thế là Bích không biết gì hết à? O Ngo cứ luôn mồm khen Bích hiền này, đẹp này, dễ thương này, còn đòi dì mình giữ Bích ở lại chơi lâu nữa đó.

Thật ra, dần dần Bích cũng cảm nhận sự quan tâm chăm sóc chu đáo của o Ngo và tự thấy xấu hổ vì thành kiến buổi đầu Bích dành cho o. Bích càng ân hận hơn khi hiểu rõ mọi sự.

Chị bếp không có kiểu ăn “vụng trộm” giống o Ngo vì chị nấu ăn, nêm nếm thoải mái, tầm vóc tròn lẳn chứng minh chị không thiếu thốn nhiều. Còn o Ngo vóc người gầy còm, tuổi đã hơn sáu mươi. Nghe nói o giúp việc cho dì Mai từ thuở nhỏ. Ngần ấy năm, thân làm công, tới bữa chỉ dám ăn đồ thừa cũ, mà đã thừa cũ làm sao ngon cho được? Dù rằng dì Mai tốt bụng, nhưng đẳng cấp chủ, tở vẫn có cách biệt. Người giúp việc khéo sống, biết thân phận sẽ chẳng hề làm chủ nhà phật lòng. O Ngo có thể ngăn mình đừng chạm đũa đến đồ chủ nhưng không thể ngăn nổi sự thèm khát thức ăn ngon. Nếu Bích sinh ra ở hoàn cảnh nghèo thiếu, phải đi ở cho người, biết đâu Bích còn tệ hại hơn mười lần? Vậy thì phong cách đài các sang quý đâu phải tự có sẵn, và có gì đáng tự hào đâu? Cởi bỏ bề ngoài dị biệt đó ra, con người vẫn muôn thuở giống nhau về mặt tâm sinh lý, về những nỗi niềm mong được hạnh phúc và sợ khổ hết như nhau.

Từ đó, Bích không thấy o Ngo chói mắt mình nữa, mà ở o, Bích cảm nhận được tình mẹ êm đềm. Đôi mắt o không còn mang vẻ gian manh lăm lét như Bích nghĩ mà đầy tình cảm chân thành của suối nguồn yêu thương. Những khi Bích có việc phải về tối, khuya mấy o cũng ngồi đợi, mắt lo lắng bồn chồn, và o chỉ cười rạng rỡ khi gặp Bích, giúi vào tay Bích ly sinh tố mà o đã tận mẫn ngồi xay.

Có lần biết o thèm ăn, Bích mua về mớ bánh giò giúi vào tay o. Mà xui, hàng bánh giò này vốn ngon nổi tiếng, hôm ấy Bích nôn về, bà hàng gấp bán nên hấp bánh chưa tới. Thế là o Ngo ăn phải bánh sống, không đợi hấp lại bánh, o Ngo vẫn ăn vội vàng, nuốt ngấu nghiến, vẻ rất ngon. Bích nhìn mà xót xa. Bây giờ chẳng có gì ở o làm Bích phàn nàn, khinh rẻ nữa. Cặp kính thương ghét tự động nhuộm màu riêng cho nó. Khi thương thì

dù người đó hư bao nhiêu, tư tưởng vẫn thừa sức biện hộ cho họ với lòng bao dung mênh mông. Khi ghét ai, dù người đó có đức hạnh vẹn toàn mấy, thì cặp kính ghét vẫn tìm được chỗ để chê trách. Hèn gì mà kính điển luôn khuyên, mọi người nên trụ trong tâm từ để sống và tương giao... hoặc cao hơn, Phật đã luôn dặn dò là hãy nhìn người qua Phật tính sẵn có của họ, chứ đừng nhìn qua sắc tướng hay vọng tưởng của tính tình.

Bích thầm cảm ơn o Ngo đã cho bích bài học hay, mà chính o không hề biết. Bích chợt nhớ tới câu chuyện Ấn Độ kể về Tổ Naropa đi tầm đạo. Naropa thuộc dòng họ sang quý, rất tài hoa và giỏi phép thuật. Điều này khiến ông tự mãn và không thoát được tính kỳ thị vốn có sẵn của giai cấp quý tộc đối với hàng tiện dân. Trên đường tầm đạo, ông gặp đủ hạng người, từ đồ tể đến ăn mày, cùi hủi... nhưng mỗi khi ông biểu lộ sự nhòm tòm khinh khi, thì ông lại nghe tiếng cười sảng khoái đượm vẻ riêu cợt của thầy ông vọng tới, vị thầy mà ông ôm nỗi khát khao cháy bỏng mong được diện kiến mà vẫn chưa được phép gặp. Cho đến lúc lòng ông hoàn toàn khiêm hạ, cung kính tất cả mọi người như chính hiện thân của thầy, thì ông mới được nhập môn.

Có lẽ tiêu chuẩn để được nhập môn như Tổ Naropa vẫn cần, nếu Bích muốn nhập vào cuộc sống mà không làm lỗi, Bích hiểu vì sao có vị Bồ-tát đã nói: “Tôi không dám khinh các người, vì các người đều sẽ thành Phật”. Khi cái nhìn chấp nê xét nét của vọng kiến ngưng khởi, thì mỗi người vốn là một đóa sen vươn khỏi bùn lầy, rạng rỡ tỏa hương...

(Đã đăng trên báo Giác-Ngộ 51 ra ngày 17/01/2001 dưới bút danh H.T.H)

(TVHS kết tập thành PDF)